

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN HIÊN

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN HIÊN

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
TỪ THỰC TIỄN TỈNH CÀ MAU**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS NGUYỄN MINH ĐOAN

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu trích dẫn trong luận văn dựa trên số liệu bảo đảm độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

NGUYỄN VĂN HIÊN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm của giáo dục pháp luật.....	7
1.2. Các thành tố của giáo dục pháp luật.....	18
1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật.....	25
Chương 2: THỰC TIỄN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở TỈNH CÀ MAU HIỆN NAY	31
2.1. Các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội có ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau hiện nay	31
2.2. Những kết quả đạt được trong giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau	36
2.3. Hạn chế, tồn tại trong giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau.....	49
Chương 3: NHU CẦU, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỪ THỰC TIỄN Ở TỈNH CÀ MAU HIỆN NAY	57
3.1. Nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật từ thực tiễn ở tỉnh Cà Mau hiện nay	57
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật từ thực tiễn ở tỉnh Cà Mau hiện nay	62
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNH, HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
ĐBSCL	:	Đồng bằng sông Cửu Long
GDPL	:	Giáo dục pháp luật
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
HĐPH	:	Hội đồng phối hợp
MTTQ	:	Mặt trận tổ quốc
PBGDPL	:	Phổ biến, giáo dục pháp luật
QPPL	:	Quy phạm pháp luật
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc đổi mới của đất nước ta hiện nay, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Mỗi cán bộ, mỗi người dân có nắm vững kiến thức pháp luật thì mới phát huy được tinh thần làm chủ của bản thân, góp phần quản lý xã hội bằng pháp luật. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V đến nay, Đảng ta đã liên tục khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Quan điểm coi trọng công tác giáo dục pháp luật được thể hiện nhất quán và ngày càng rõ nét. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII khẳng định: *“Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật, huy động các đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia vào đợt vận động thiết lập trật tự kỷ cương và các hoạt động thường xuyên xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong các cơ quan nhà nước và trong xã hội”* [13, tr. 241].

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX tiếp tục khẳng định việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phải đi đôi với công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật đó là: *“Đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng luật, ban hành và thực thi pháp luật, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật một cách nghiêm minh”* [14, tr. 239].

Thế chế hóa quan điểm do Đảng đề ra, nhiều văn bản pháp luật về giáo dục pháp luật đã được Nhà nước ban hành triển khai thực hiện.

Trên cơ sở đó, thời gian qua công tác giáo dục pháp luật trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân đã đạt được nhiều kết quả đáng kể, góp phần nâng cao trình độ hiểu biết về pháp luật, nâng cao văn hóa pháp lý trong cán bộ và nhân dân, bước đầu tạo dựng ổn định trong lối sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật ở các đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, cho đến nay, so với nhu cầu thực tiễn, công tác giáo dục pháp luật vẫn còn nhiều bất cập và hạn chế; đặc biệt là công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho từng đối tượng cụ thể.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đời sống vật chất cũng như ý thức pháp luật của cán bộ và nhân dân nói chung, cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau nói riêng được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên, công tác giáo dục pháp luật trong cán bộ và nhân dân của tỉnh Cà Mau vẫn còn nhiều hạn chế, chưa ngang tầm. Do đặc thù của vùng sông nước, phương tiện, giao thông đi lại còn nhiều khó khăn; dân cư sống không tập trung; trình độ dân trí không đồng đều; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số... Từ đó công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thời gian qua có lúc, có nơi đạt hiệu quả thấp. Bên cạnh đó, phần lớn nhân dân làm nghề lao động phổ thông, theo thời vụ nên việc cập nhật, tìm hiểu pháp luật không thường xuyên nhưng trong quá trình hoàn thiện pháp luật ở nước ta hiện nay nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành, nhiều văn bản luật, dưới luật phải sửa đổi bổ sung từ đó đã gây thêm khó khăn trong việc tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật của cán bộ và nhân dân trong tỉnh. Qua tìm hiểu từ thực tiễn trên địa bàn tỉnh Cà Mau hiện nay vẫn chưa có Chương trình, đề án nào nghiên cứu làm rõ những vấn đề đã và đang đặt ra hiện nay nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong thực tiễn.

Với những lý do trên, việc nghiên cứu "*Giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Cà Mau*" là vấn đề cần thiết có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong giai đoạn hiện nay, giáo dục pháp luật là vấn đề hết sức quan trọng. Việc nghiên cứu về giáo dục pháp luật dưới góc độ khoa học pháp lý được các nhà khoa học Việt Nam rất quan tâm. Cho đến nay có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật của tập thể, cá nhân đã được công bố.

Qua tìm hiểu các công trình đã được công bố trong nước và nước ngoài cho thấy, mặc dù giáo dục pháp luật được đề cập dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau, song về cơ bản bao gồm các nhóm vấn đề sau:

Nhóm 1: Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về giáo dục pháp luật, gồm khái niệm, mục đích, đối tượng, nội dung, hình thức của giáo dục pháp luật, như:

- *‘Giáo dục ý thức pháp luật để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và xây dựng con người mới’*, Phùng Văn Tửu, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 4/1985.

- *‘Giáo dục ý thức pháp luật’*, Nguyễn Trọng Bích, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 4/1989.

- *‘Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật’*, Đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số KX.07-17, Viện Nhà nước và pháp luật - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn chủ trì.

- *‘Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới’*, Đề tài khoa học cấp Bộ năm 1994, mã số 92-98-223-ĐT, của Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp.

- *‘Bàn về giáo dục pháp luật’*, Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

- *‘Xã hội hóa công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong tình hình mới’*, Hồ Việt Hiệp, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 9/2000.

***Nhóm 2:** Nghiên cứu giáo dục pháp luật đối với các đối tượng cụ thể nhằm lý giải những đặc thù và tìm kiếm các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho từng đối tượng, gồm:

- *‘Giáo dục pháp luật cho nhân dân’*, Nguyễn Ngọc Minh, Tạp chí Cộng sản, số 10, 1983.

- *‘Nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý hành chính ở nước ta hiện nay’*, Luận án Phó tiến sĩ của Lê Đình Khiên, 1993.

- *‘Giáo dục pháp luật trong các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề ở nước ta hiện nay’*, Luận án Phó tiến sĩ của Đinh Xuân Thảo, 1996.

- *‘Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam’*, Luận án Phó tiến sĩ của Dương Thị Thanh Mai, 1996.

- *‘Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khome Nam Bộ’*, Luận văn thạc sĩ Luật học của Lê Văn Bền, 1998.

- *‘Bộ đội Biên phòng với việc giáo dục pháp luật cho đồng bào khu vực biên giới ở Việt Nam hiện nay’*, Luận văn thạc sĩ Luật học của Phạm Văn Trường, 1998.

- *‘Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay’*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2000.

- *‘Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay’*, Luận văn thạc sĩ Luật học của Phạm Trung Nghĩa, 2000.

- *‘Thực trạng và phương hướng đổi mới giáo dục pháp luật hệ đào tạo trung học chính trị ở nước ta hiện nay’*, Luận văn thạc sĩ Luật học của Đặng Ngọc Hoàng, 2000.

- *‘Giáo dục pháp luật cho nhân dân các dân tộc ít người ở tỉnh Đắk Lắk - thực trạng và giải pháp’*, Luận văn thạc sĩ Luật học của Phạm Hàn Lâm, 2001.

***Nhóm 3:** Nghiên cứu giáo dục pháp luật trong mối quan hệ với các nội dung khác:

- *‘Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật ở Việt Nam’*, Luận án phó tiến sĩ Luật học của Nguyễn Đình Lộc, 1987.

- *‘Giáo dục ý thức pháp luật với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa’*, Luận án phó tiến sĩ Luật học của Trần Ngọc Đường, 1988.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu khoa học của tập thể, cá nhân, các bài viết của các tác giả từ trước đến nay về giáo dục pháp luật đã đóng góp rất nhiều các vấn đề cơ bản cả về vấn đề lý luận và thực tiễn dưới nhiều góc độ khác nhau về giáo dục pháp luật. Tuy nhiên, có thể nói rằng, cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống về giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Cà Mau. Vì vậy, đây là đề tài đầu tiên nghiên cứu có hệ thống vấn đề giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Cà Mau.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Trên cơ sở phân tích lý luận và đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng ở tỉnh Cà Mau hiện nay, mà trọng tâm đối tượng là cán bộ và nhân dân nói chung.

3.2 Nhiệm vụ

Để thực hiện mục đích trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Trên cơ sở phân tích một số vấn đề lý luận chung về giáo dục pháp luật, luận văn phân tích rõ đặc điểm và vai trò giáo dục pháp luật đối với một số đối tượng cụ thể, trong đó cán bộ và nhân dân nói chung.

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng, phân tích nguyên nhân thực trạng của công tác giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh thời gian qua.

- Đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau

- Luận văn giới hạn thời gian nghiên cứu từ năm 2003 đến nay, tức là kể từ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ 2003 đến 2007.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn là chuyên khảo đầu tiên nghiên cứu có hệ thống và tương đối toàn diện về giáo dục pháp luật, nêu và làm rõ thêm khái niệm và đặc điểm, vai trò của giáo dục pháp luật cho một số đối tượng cụ thể. Vì vậy, luận văn có những đóng góp khoa học cụ thể sau: Luận văn đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân nói chung trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác -Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; quan điểm của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, về giáo dục pháp luật nói chung.

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng với các phương pháp: lịch sử - cụ thể, phân tích, tổng hợp, kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khác: thống kê, so sánh, điều tra xã hội học...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung, hoàn thiện thêm những vấn đề lý luận về giáo dục pháp luật, làm rõ tính đặc thù của công tác giáo dục pháp luật đối với cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Luận văn phân tích, đánh giá một cách khá toàn diện về thực trạng giáo dục pháp luật tại địa phương. Trên cơ sở đó phát hiện những điểm chưa hợp lý, những hạn chế, tồn tại vướng mắc để đề xuất phương hướng và những giải pháp có tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục pháp luật trên phạm vi cả nước và tại địa phương.

Các giải pháp đề xuất trong luận văn góp phần hoàn thiện chính sách pháp luật về giáo dục pháp luật cho đối tượng là cán bộ và nhân nói chung, không ngừng nâng cao nhận thức và trách nhiệm chỉ đạo tổ chức hoạt động thực tiễn của các cơ quan Đảng và Nhà nước trong việc giáo dục pháp luật. Đồng thời, với các phương hướng, giải pháp mà luận văn đặt ra còn có giá trị tham khảo đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có kết cấu gồm 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật

Chương 2. Thực tiễn giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau hiện nay

Chương 3. Nhu cầu, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật từ thực tiễn ở tỉnh Cà Mau hiện nay

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1.1. Khái niệm, đặc điểm của giáo dục pháp luật

1.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật

Hiện nay ở nước ta, khái niệm giáo dục pháp luật vẫn còn nhiều quan điểm, cách hiểu khác nhau, có thể khái quát các quan điểm chính, như sau:

Quan điểm cho rằng pháp luật là các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung và mọi người đều có nghĩa vụ phải tuân thủ pháp luật, vì vậy không cần phải nêu ra vấn đề giáo dục pháp luật, bản thân pháp luật sẽ thực hiện chức năng của mình bằng các quy định về quyền và nghĩa vụ, về các chế tài đối với những người tham gia vào các quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh, điều cần thiết phải làm là công bố và phổ biến các văn bản pháp luật để các chủ thể nắm được và thực hiện.

Quan điểm coi giáo dục pháp luật là bộ phận của giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức. Điều đó có nghĩa là chỉ cần tiến hành giáo dục chính trị tư tưởng đạo đức là mọi chủ thể trong xã hội đã có ý thức pháp luật cao, có sự tự giác, tôn trọng và tuân thủ pháp luật. Sự đồng nhất này đã dẫn đến việc xem nhẹ công tác giáo dục pháp luật, đã có thời gian dài ở nước ta không thực hiện chương trình giáo dục pháp luật riêng biệt mà gắn kết vào chương trình giáo dục đạo đức, chính trị. Việc đào tạo chuyên ngành luật chưa được Nhà nước chú ý, mãi đến cuối những năm 70 Nhà nước mới thành lập các cơ sở đào tạo luật gia ở trình độ đại học và đến năm 1987-1988 việc giáo dục pháp luật mới được bắt đầu đưa vào chương trình giáo dục ở bậc phổ thông.

Quan điểm coi giáo dục pháp luật đồng nghĩa với việc tuyên truyền, giới thiệu, giải thích, phổ biến các văn bản pháp luật, giáo dục pháp luật thực chất chỉ là các đợt tuyên truyền, cổ động khi có văn bản pháp luật mới ban hành như: Hiến pháp; các Bộ luật, các Luật v.v...

Quan điểm cho rằng giáo dục pháp luật đồng nghĩa với việc dạy và học pháp luật trong các nhà trường. Với quan điểm này cho thấy việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật ở ngoài xã hội là không phải giáo dục pháp luật.

Các quan điểm nêu trên đều còn phiến diện, chưa thấy được tính đặc thù, sự tác động của hoạt động giáo dục pháp luật lên các chủ thể nên chưa có quan niệm đầy đủ và đúng đắn về giáo dục pháp luật, chưa thấy được vai trò, giá trị xã hội của giáo dục pháp luật. Ở đây, khái niệm pháp luật không chỉ là văn bản quy phạm pháp luật, là mô hình được các nhà Lập pháp nghiên cứu và thông qua, mà phải được thể hiện trong cuộc sống. Pháp luật chỉ thực sự đi vào cuộc sống thông qua cơ chế điều chỉnh bao gồm các giai đoạn: Ban hành, tuyên truyền giáo dục, tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát, trong cơ chế đó yếu tố con người là cơ bản. Khi tham gia vào các quan hệ pháp luật, con người phải lựa chọn hình thức, cách xử sự để thể hiện qua hành vi. Đây là một quá trình tâm lý phức tạp, phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Ở giai đoạn này, quy phạm pháp luật có khả năng tác động lên ý thức của cá nhân. Do đó, việc phổ biến văn bản pháp luật mới chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ để cá nhân hành động phù hợp theo yêu cầu của pháp luật. Điều kiện đủ ở đây là cá nhân phải có ý thức pháp luật đúng đắn. Ý thức đó có thể hình thành dưới sự tác động liên tục, thường xuyên của các điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan (hoạt động giáo dục pháp luật) dẫn đến hành vi hợp pháp của cá nhân. Vì vậy, khi công bố luật mới còn phải tuyên truyền, giáo dục thường xuyên, lâu dài mới đảm bảo rằng luật đó được thực thi trong cuộc sống.

Khái niệm giáo dục pháp luật cần xuất phát từ khái niệm giáo dục của khoa học sư phạm, trong khoa học sư phạm giáo dục được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng, giáo dục là quá trình ảnh hưởng của những điều kiện khách quan như chế độ xã hội, môi trường sống, trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, phong tục tập quán v.v... và sự tác động của nhân tố chủ quan như sự tác động có ý thức có mục đích có kế hoạch và định hướng của con người lên việc hình thành những phẩm chất, kỹ năng nhất định của đối tượng giáo dục.

Theo nghĩa hẹp, giáo dục là hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch của chủ thể giáo dục tác động lên khách thể giáo dục nhằm đạt được các mục tiêu nhất định như: truyền bá những kinh nghiệm trong sản xuất, trong đấu tranh; những

tri thức về tự nhiên, xã hội và tư duy để khách thể (đối tượng) có đủ khả năng để tham gia vào đời sống xã hội.

Giáo dục pháp luật trong thực tiễn hiện nay theo quan niệm chung của nhiều nhà khoa học đều tán thành theo nghĩa hẹp của giáo dục, đó là: giáo dục là hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch của chủ thể giáo dục tác động lên khách thể giáo dục, nhằm đạt được các mục tiêu nhất định như: Truyền bá những kinh nghiệm trong sản xuất, trong đấu tranh; những tri thức về tự nhiên, xã hội và tư duy để khách thể (hay đối tượng) có đủ khả năng tham gia vào đời sống xã hội.

Trong thực tiễn, tuy thừa nhận ảnh hưởng của các điều kiện khách quan là to lớn đối với việc hình thành ý thức cá nhân con người, các nhà khoa học sư phạm vẫn nhấn mạnh yếu tố chủ quan như là yếu tố tác động hàng đầu, cực kỳ quan trọng, thậm chí mang tính chất quyết định trong giáo dục.

Khái niệm giáo dục pháp luật theo nghĩa hẹp có ý nghĩa trong việc phân biệt phạm trù giáo dục pháp luật với phạm trù ý thức pháp luật. Hai phạm trù này có quan hệ mật thiết với nhau nhưng không phải là một. Hoạt động giáo dục pháp luật là sự tác động của nhân tố chủ quan mà trước hết là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định thành một hệ thống của nhiều chủ thể, còn sự hình thành ý thức pháp luật là sản phẩm của cả điều kiện khách quan lẫn sự tác động có định hướng của nhân tố chủ quan. Giáo dục pháp luật là nhân tố tác động đối với sự hình thành ý thức pháp luật, còn thực tiễn pháp luật là nhân tố ảnh hưởng. Sự phân biệt hai phạm trù này có ý nghĩa quan trọng là tạo ra khả năng giải quyết những vấn đề thực tiễn của hoạt động giáo dục pháp luật.

Từ nghĩa hẹp của khái niệm giáo dục trong khoa học sư phạm để xây dựng khái niệm giáo dục pháp luật, cho ta thấy rõ hơn mối quan hệ giữa cái riêng, cái đặc thù của giáo dục pháp luật với cái chung, cái phổ biến của giáo dục. Giáo dục pháp luật vừa mang những đặc điểm chung của giáo dục, sử dụng các hình thức, phương pháp của giáo dục nói chung, vừa thể hiện những nét đặc thù riêng có của mình trong mối liên hệ chặt chẽ với các loại hình giáo dục khác như giáo dục chính trị,

giáo dục đạo đức. Tính đặc thù của giáo dục pháp luật thể hiện ở cả mục đích, nội dung và ở cả hình thức, phương pháp. Tính đặc thù của giáo dục pháp luật khác với các dạng giáo dục khác ở chỗ:

Giáo dục pháp luật có mục đích riêng của mình, đó là hoạt động nhằm hình thành tri thức, tình cảm và thói quen xử sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Giáo dục pháp luật có nội dung riêng, đó là sự tác động định hướng với nội dung cơ bản là chuyên tải tri thức của nhân loại nói chung, của một nhà nước nói riêng về hai hiện tượng nhà nước và pháp luật, trong đó pháp luật thực định hiện hành của nhà nước là bộ phận vô cùng quan trọng.

Xét trên các yếu tố chủ thể, khách thể, đối tượng, hình thức và phương pháp giáo dục cũng có thể chỉ ra các nét đặc thù của giáo dục pháp luật. Chẳng hạn, giáo dục pháp luật so với các dạng giáo dục khác đó là quá trình tác động liên tục thường xuyên, lâu dài chứ không phải là sự tác động một lần của chủ thể lên đối tượng giáo dục. Vì thế, giáo dục pháp luật trở thành sợi chỉ đỏ xuyên qua gia đình, nhà trường, các tập thể lao động, các tổ chức Đảng, Nhà nước, các đoàn thể xã hội. Nhân tố con người với hành vi hành động hợp pháp đóng vai trò chủ đạo trong quá trình tác động qua lại giữa người giáo dục (chủ thể) với người được giáo dục (đối tượng). Người được giáo dục là người chịu sự tác động có tổ chức, có định hướng các thông tin pháp luật. Vì thế hiểu biết trình độ, đặc biệt là đặc điểm nhân thân của người được giáo dục pháp luật là đòi hỏi hàng đầu đối với người giáo dục. Đồng thời người giáo dục cần phải nắm vững tri thức pháp luật, biết cách chuyển tải nó, hơn nữa phải là tấm gương, là hình mẫu trong việc tuân theo pháp luật, bởi vì trong giáo dục pháp luật thì nguyên tắc làm gương, làm mẫu có ảnh hưởng rất lớn đối với người được giáo dục.

Tóm lại, giáo dục pháp luật là quá trình tác động có tổ chức, có mục đích và thường xuyên tới nhận thức của con người nhằm trang bị cho mỗi người trình độ pháp lý nhất định để từ đó có ý thức đúng đắn về pháp luật, tôn trọng và tự giác xử sự theo yêu cầu của pháp luật.

1.1.2. Đặc điểm của giáo dục pháp luật

1.1.2.1. Đặc điểm về đối tượng và chủ thể giáo dục pháp luật

Quá trình giáo dục pháp luật thực chất là quan hệ xã hội, giữa một bên là người giáo dục pháp luật (chủ thể giáo dục pháp luật) và một bên là người được giáo dục pháp luật (đối tượng giáo dục pháp luật). Mỗi quan hệ này có sự tác động qua lại lẫn nhau, giữa các bên tham gia. Việc xác định chủ thể giáo dục pháp luật và đối tượng giáo dục pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong lý luận và thực tiễn của hoạt động giáo dục pháp luật. Trên cơ sở mối quan hệ, sự tác động qua lại lẫn nhau giữa chủ thể giáo dục pháp luật và đối tượng giáo dục pháp luật tạo cho chủ thể xác định được các nội dung, hình thức, phương pháp phù hợp để tiếp cận với đối tượng giáo dục pháp luật một cách có hiệu quả nhất. Tuy nhiên, điều quan trọng là các chủ thể và đối tượng giáo dục pháp luật phải biết vị trí của mình trong từng giai đoạn lịch sử hoặc trong từng loại công việc: khi là chủ thể, khi là đối tượng GDPL bởi quy luật của tự nhiên và xã hội liên tục được vận động và phát triển.

Dưới góc độ giáo dục học thì đối tượng giáo dục là những cá nhân hoặc tập thể học sinh, người học. Trong lĩnh vực giáo dục pháp luật, đối tượng giáo dục pháp luật là các cá nhân công dân hay các nhóm, cộng đồng công dân tiếp nhận trực tiếp hoặc gián tiếp tác động của các hoạt động giáo dục pháp luật do các chủ thể giáo dục tiến hành nhằm đạt được các mục đích đặt ra. Mỗi nhóm đối tượng giáo dục pháp luật được chủ thể tác động bằng hình thức phương pháp khác nhau, điều này phụ thuộc vào đặc điểm tâm lý, nghề nghiệp, lứa tuổi, giới tính, nhu cầu và khả năng nhận thức của từng loại đối tượng. Trong giai đoạn hiện nay, ngoài đối tượng chung là mọi công dân cần ưu tiên nghiên cứu một số đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, học sinh, sinh viên, các tầng lớp nhân dân lao động, đặc biệt là nhân dân các dân tộc ít người, vùng sâu vùng xa...

Chủ thể giáo dục pháp luật có thể hiểu là tất cả những người mà theo chức năng, nhiệm vụ hay trách nhiệm xã hội phải tham gia vào việc thực hiện các mục đích giáo dục pháp luật. Các nhà nghiên cứu lý luận và thực tiễn đã xác định có hai

loại chủ thể giáo dục pháp luật: chủ thể chuyên nghiệp và chủ thể không chuyên nghiệp.

Chủ thể chuyên nghiệp được hiểu là người có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu, trực tiếp, thường xuyên thực hiện nhiệm vụ giáo dục pháp luật. Đó là các giáo viên giảng dạy pháp luật trong các nhà trường, các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, các biên tập viên, phát thanh viên, ban biên tập các tạp chí, sách báo có liên quan đến giáo dục pháp luật, các cá nhân, tổ chức quản lý về công tác giáo dục pháp luật, các cá nhân, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ pháp luật, tổ chức trợ giúp pháp lý... cán bộ làm công tác nghiên cứu, chỉ đạo hoạt động giáo dục pháp luật... chủ thể chuyên nghiệp, là lực lượng nòng cốt trong công tác giáo dục pháp luật.

Chủ thể không chuyên nghiệp là những người mà tuy chức năng chính không phải là giáo dục pháp luật nhưng một trong các nhiệm vụ của họ là bằng hoặc thông qua các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện các mục đích giáo dục pháp luật. Họ làm việc ở nhiều lĩnh vực, cơ quan khác nhau như các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, các cán bộ cơ quan hành pháp, tư pháp, các luật gia, luật sư, công chứng viên... chủ thể không chuyên nghiệp tuy không giữ vị trí nòng cốt nhưng có vai trò rất quan trọng. Nhờ những chủ thể không chuyên nghiệp nên công tác giáo dục pháp luật được triển khai rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân, mọi đối tượng. Điều đó tạo được sức mạnh tổng hợp và đồng bộ cho công tác giáo dục pháp luật.

Ở Việt Nam, trong những năm qua cũng đã hình thành một đội ngũ đông đảo những chủ thể chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp tham gia vào công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Các chủ thể này đã có cố gắng rất nhiều để đóng góp vào việc thực hiện các nội dung, mục đích giáo dục pháp luật trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, để công tác giáo dục pháp luật đạt hiệu quả thì đòi hỏi chủ thể giáo dục pháp luật phải là người có kiến thức pháp luật, nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, có phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức tốt có tinh thần trách nhiệm và khả năng hoàn thành công việc được giao.

Vì vậy, ngoài chủ thể chuyên nghiệp, cần thu hút đội ngũ những người là sư cả, trưởng ấp, khóm, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của họ trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật là rất cần thiết, có hiệu quả. Nếu các thành phần này nắm chắc pháp luật, sẽ thúc đẩy hiệu quả việc phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, loại trừ những hủ tục lạc hậu, thông qua họ tác động tới trình độ nhận thức pháp luật của từng người dân, dẫn dắt họ, giúp họ hiểu và từng bước thực hiện pháp luật, thực hiện các quy ước của ấp, khóm, xây dựng đời sống văn hóa mới... Để có thể thu hút được đội ngũ này vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật thì đòi hỏi các cơ quan chức năng cần có những chính sách, chế độ và biện pháp nâng cao năng lực cho họ - đó là: Tổ chức bồi dưỡng, trang bị kiến thức pháp luật cần thiết, tạo điều kiện cho đội ngũ những người là sư cả, người có uy tín, trưởng ấp, khóm tiếp cận, cập nhật những văn bản, những thông tin pháp lí cần thiết như: Sử dụng tủ sách pháp luật ở cơ sở, tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn để có thể nâng cao hiểu biết của họ về pháp luật, có chế độ, chính sách quan tâm ưu đãi, coi trọng và sử dụng đội ngũ sư cả, trưởng ấp, khóm, phát huy vai trò của họ, những người tiêu biểu có uy tín lớn trong cộng đồng.

1.1.2.2. Đặc điểm về nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật

** Đặc điểm về nội dung giáo dục pháp luật*

Nội dung giáo dục pháp luật là yếu tố quan trọng của quá trình giáo dục pháp luật. Xác định đúng nội dung giáo dục pháp luật là đảm bảo cần thiết để giáo dục pháp luật có hiệu quả. Nội dung giáo dục pháp luật được xác định dựa trên cơ sở mục đích của giáo dục pháp luật là hình thành ở đối tượng giáo dục hệ thống tri thức pháp luật, tình cảm, lòng tin và thói quen hành động phù hợp với yêu cầu của pháp luật. Do đó, nội dung của giáo dục pháp luật nói chung bao gồm việc cung cấp một cách thường xuyên, có hệ thống các loại thông tin về pháp luật và thực tiễn thi hành, bảo vệ pháp luật. Đó là một phạm vi rộng bao gồm các kiến thức pháp luật cơ bản như lý luận khoa học về pháp luật, các ngành luật, các văn bản pháp luật thực định, các thông tin về việc thực hiện pháp luật, về điều tra, xét xử các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, các thông tin hướng dẫn hành vi pháp luật cụ thể của công dân như

thực hiện quyền và nghĩa vụ theo pháp luật, các quy định và thủ tục để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và công dân.

Tuy nhiên, mức độ về nội dung giáo dục pháp luật phải được xác định cho từng nhóm đối tượng cụ thể thì mới có hiệu quả thiết thực trong việc giáo dục pháp luật.

- Mức độ tối thiểu về nội dung giáo dục pháp luật cho mọi công dân

Các nội dung tối thiểu có thể là những thông tin về một số quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ bản của công dân và việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó. Bởi lẽ, sống trong một xã hội được quản lý bằng pháp luật thì mỗi công dân phải có những hiểu biết tối thiểu về pháp luật và có kỹ năng tối thiểu để sử dụng pháp luật nhằm thực hiện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Mức độ giáo dục pháp luật theo nhu cầu ngành nghề.

Trong xã hội có rất nhiều ngành nghề khác nhau ở các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, văn hóa - xã hội khác nhau. Ngoài kiến thức pháp luật cơ bản thường gặp trong thực tiễn, nội dung giáo dục pháp luật theo ngành nghề còn bao gồm một số văn bản luật có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực hoạt động cụ thể. Bởi vậy, những người hoạt động trong các lĩnh vực đó cần phải có hiểu biết và kỹ năng sử dụng pháp luật ở mức cao hơn, mang tính định hướng nghề nghiệp rõ hơn.

- Mức độ giáo dục pháp luật chuyên ngành cho những người hành nghề pháp luật.

Đây là mức độ cao nhất của nội dung giáo dục pháp luật nhằm mục đích đào tạo những người, những tổ chức chuyên hành nghề pháp luật.

Như vậy, từ việc xác định phạm vi và mức độ về nội dung giáo dục pháp luật đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu đặc điểm đặc thù của từng loại đối tượng cụ thể, áp dụng hợp lý các hình thức, phương pháp giáo dục của các chủ thể khác nhau để đảm bảo được toàn bộ nội dung giáo dục với phạm vi, cấp độ khác nhau, với từng loại đối tượng khác nhau. Có thể thấy, giáo dục pháp luật có những nét đặc trưng sau:

Một là, nội dung GDPL phải thiết thực dựa trên nhu cầu, điều kiện, đặc điểm của đối tượng giáo dục. Trên phương diện lý luận nói chung, nội dung giáo dục pháp luật phát sinh từ nhu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật, từ yêu cầu của việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu chính trị, kinh tế - xã hội, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, nội dung của giáo dục pháp luật có phù hợp hay không còn phải căn cứ vào trạng thái ý thức pháp luật của công dân, căn cứ vào điều kiện khả năng tiếp thu và nhu cầu của họ: Họ đang thiếu cái gì, cần cái gì; nội dung giáo dục pháp luật phải thiết thực, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ phù hợp với trình độ nhận thức của người dân.

Nội dung thiết thực có nghĩa là không phải mọi văn bản pháp luật đều phổ biến giáo dục cho người dân hoặc phổ biến nguyên văn một văn bản pháp luật mà đòi hỏi chủ thể giáo dục phải biết lựa chọn từng vấn đề, những vấn đề yêu cầu phải phổ biến, giáo dục, những vấn đề bức xúc đặt ra từ cơ sở, những vấn đề mà đối tượng được giáo dục quan tâm... Theo tác giả luận văn, trong giai đoạn hiện nay cần phổ biến giáo dục các nội dung về:

- Quyền và nghĩa vụ công dân: Nghĩa vụ công dân trong việc cùng với toàn dân đấu tranh phòng và chống các vi phạm pháp luật để pháp luật được thực hiện công bằng; Nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện nghiêm chỉnh, triệt để và đúng đắn pháp luật của Nhà nước cũng như các quy tắc sinh hoạt trong cộng đồng dân cư; Quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và trình tự thủ tục tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi có tranh chấp.

Phổ biến, giải thích các văn bản pháp luật hiện hành, đặc biệt là những văn bản liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ pháp lý của công dân trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như đất đai, thừa kế, hôn nhân gia đình, pháp luật về hộ tịch, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách đối với nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Ngoài ra, nội dung pháp luật nên được lồng ghép trong chương trình xóa đói giảm nghèo, dân số, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm...

Hai là, bên cạnh phổ biến giáo dục nội dung đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cần hướng dẫn cho nhân dân thực hiện, phát huy các tập quán sinh hoạt tốt đẹp phù hợp với pháp luật của Nhà nước, đồng thời phải chỉ ra cho họ thấy được những hành vi, những việc làm cụ thể trái với lợi ích cộng đồng, trái với pháp luật của Nhà nước để họ hiểu và biết cách xử sự đúng mực trong điều kiện đổi mới hiện nay.

** Về hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật*

Hiệu quả của công tác GDPL không chỉ phụ thuộc vào nội dung mà còn phụ thuộc vào hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật. Bởi vì, để chuyển tải được nội dung giáo dục pháp luật đến đối tượng giáo dục, đòi hỏi phải có cách thức và biện pháp tác động phù hợp với khả năng tiếp nhận của đối tượng. Là hệ thống các qui tắc xử sự chung trong xã hội, pháp luật có phạm vi điều chỉnh rộng lớn và có đối tượng tác động phong phú, phức tạp do vậy đòi hỏi việc phổ biến, GDPL phải có nhiều hình thức và phương pháp đa dạng phù hợp với từng loại đối tượng khác nhau và tùy thuộc tình hình cụ thể trong mỗi giai đoạn. Đặc biệt, trong điều kiện nước ta hiện nay, một nước đi từ sản xuất nhỏ lên CNXH, cơ sở kinh tế và tư tưởng chưa thuần nhất, bên cạnh những nhân tố mới, điều kiện mới đã xuất hiện thì những khó khăn về kinh tế, những hạn chế trong nhận thức cũng như ảnh hưởng của những tập tục lạc hậu còn tồn tại thì yêu cầu này cần phải được chú trọng.

Vấn đề đặt ra là hiểu như thế nào về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật. Tác giả luận văn đồng ý với quan điểm: “*Hình thức giáo dục pháp luật là các dạng hoạt động cụ thể để tổ chức quá trình giáo dục pháp luật, để thể hiện nội dung giáo dục pháp luật*” [20, tr.75]; “*phương pháp giáo dục pháp luật là hệ thống các cách thức sử dụng để tiến hành hoạt động giáo dục pháp luật*” [20, tr.75].

Ở nước ta hiện nay, thực chất chưa có các hình thức GDPL được xác định ổn định về mặt lý luận mà vẫn đang trong giai đoạn tìm tòi, thử nghiệm. Tuy nhiên, trong thực tiễn có rất nhiều hình thức phổ biến, GDPL khác nhau như: Trực tiếp truyền đạt nội dung pháp luật cho người nghe (tuyên truyền miệng), sử dụng báo chí

và hệ thống truyền thanh cơ sở, biên soạn và phát hành các loại tài liệu phổ biến, GDPL; truyền đạt nội dung pháp luật thông qua các phương pháp sư phạm (giáo dục pháp luật trong nhà trường); tổ chức các hình thức thi tìm hiểu pháp luật; tổ chức các câu lạc bộ pháp luật, xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý; hòa giải cơ sở; thông qua các hình thức văn hóa, văn nghệ,...

Căn cứ vào đối tượng phổ biến, GDPL, họ là ai, trình độ nhận thức đến đâu, điều kiện, hoàn cảnh sống của họ như thế nào, mức độ quan tâm đến pháp luật, các vấn đề quan tâm của họ như thế nào. Sự hiểu biết và nhận thức của các tầng lớp nhân dân về văn hóa và pháp luật trong xã hội là hết sức đa dạng và khác nhau. Do đó, việc lựa chọn hình thức phổ biến GDPL phải chú ý đến yêu cầu phổ biến của chính văn bản đến nhóm dân cư nhất định, từ trình độ văn hóa và nhận thức của đối tượng. Xuất phát từ điều kiện kinh tế, địa lý và hoàn cảnh để quyết định một hình thức giáo dục cụ thể hay kết hợp các hình thức với nhau. Ngoài ra, gắn việc phổ biến GDPL với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong địa bàn cũng rất quan trọng. Điều đó, một mặt phát huy tác dụng của PBGDPL, mặt khác cũng làm tăng hiệu quả của công tác PBGDPL.

Có thể nói, thông tin pháp luật đến với nhân dân về thực chất là công tác vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Do đó, một trong những hình thức PBGDPL có hiệu quả phù hợp với đặc thù đối tượng nông dân, cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên, đồng bào dân tộc thiểu số... là hình thức truyền đạt trực tiếp (tuyên truyền miệng) thông qua đội ngũ báo cáo viên, giáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Một hình thức khác cũng được sử dụng thường xuyên là biên soạn các tài liệu pháp luật phổ thông như: Sách giới thiệu văn bản, sách hỏi đáp về pháp luật, tờ gấp, tờ rơi... là hình thức rất phù hợp có hiệu quả.

Các hình thức phổ biến, GDPL khác như: Thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở, tủ sách pháp luật, trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, lồng

ghép trong giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, quy ước ấp, khóm... cũng được chú trọng.

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 1997, Trung tâm trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và đối tượng chính sách đã được thành lập ở các tỉnh. Đặc biệt là khi Luật Trợ giúp pháp lý ra đời (Luật số 69/2006/QH11), thông qua phương thức trợ giúp các vụ việc cụ thể, nhất là trong những đợt trợ giúp pháp lý lưu động tại các xã, thị trấn vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc, hiệu quả GDPL rất cao, hoạt động này góp phần thông tin về các vấn đề pháp luật mang tính thời sự, gần gũi với đời sống của bà con, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

1.2. Các thành tố của giáo dục pháp luật

1.2.1. Mục đích của giáo dục pháp luật

Mục đích của giáo dục pháp luật được xem xét trên nhiều góc độ tùy thuộc vào đối tượng giáo dục, cấp độ giáo dục cũng như hình thức giáo dục. Nhìn chung, mục đích giáo dục có thể mang tính lâu dài hoặc trước mắt nhưng đều hướng tới ba vấn đề cơ bản:

Một là, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao khả năng nhận thức pháp lý, sự hiểu biết pháp luật, hình thành tri thức pháp luật cần thiết cho các chủ thể (với tính cách là đối tượng nhận thức hay là đối tượng của giáo dục). Đây là mục đích hàng đầu của giáo dục pháp luật, bởi lẽ, sự hiểu biết pháp luật có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự phát triển của tư duy pháp lý, định hướng các hành vi của chủ thể trên thực tế.

Tri thức pháp luật tạo nên cơ sở khẳng định lòng tin vào các giá trị của pháp luật, các chuẩn mực pháp lý cần thiết giúp cho các chủ thể chủ động xác lập hành vi và chịu trách nhiệm về hành vi. Tri thức pháp luật không thể là sự hiểu biết đơn giản, phiến diện về một vài khía cạnh pháp luật nào đó mà nó mang tính hệ thống, logic. Do đó, giáo dục pháp luật là hoạt động nhằm mở rộng khối lượng tri thức pháp lý, nâng cao khả năng hiểu biết pháp luật một cách toàn diện, thống nhất đối với chủ thể.

Hai là, giáo dục pháp luật nhằm khơi dậy tình cảm, lòng tin và thái độ đúng đắn đối với pháp luật. Để hình thành lòng tin và đem lại thái độ đúng đắn, tích cực đối với pháp luật ở mỗi người cần phải giải quyết nhiều vấn đề có liên quan, trong đó giáo dục pháp luật là hoạt động cơ bản. Chúng ta biết rằng lòng tin vào pháp luật là lòng tin vào công lí, lẽ công bằng được tạo lập bởi chính pháp luật. Lòng tin chỉ có giá trị đích thực khi nó đem lại thái độ chủ động trong xử sự phù hợp với pháp luật và được hình thành trên tri thức pháp luật cần thiết (nếu không sẽ là niềm tin mù quáng, phản tác dụng). Giáo dục pháp luật không đơn thuần là chỉ để hiểu biết về các quy định của pháp luật mà cao hơn nữa là để pháp luật được “sống” trong tư duy, hành vi của mọi người, để khơi dậy tình cảm, lòng tin và thái độ đúng đắn ở mỗi người đối với pháp luật. Cần giáo dục tình cảm công bằng, khoan dung, ý thức trách nhiệm, thái độ không khoan nhượng trước các hành vi vi phạm pháp luật và thái độ tôn trọng pháp luật, pháp chế.

Ba là, giáo dục pháp luật nhằm hình thành thói quen xử sự theo pháp luật với động cơ tích cực. Tri thức pháp luật không thể là những nội dung lí luận thuần túy mà nó phải được hiện thực hoá thông qua các hoạt động pháp lí thực tiễn. Mục đích của giáo dục pháp luật không chỉ cung cấp những kiến thức lí luận hoặc các quy định pháp luật cụ thể mà quan trọng hơn là tạo lập được thói quen xử sự theo pháp luật ở mỗi loại chủ thể trong xã hội. Thói quen này được hình thành không phải là thụ động, vô thức mà dựa trên nền tảng của động cơ về hành vi hợp pháp, tích cực. Trên thực tế, để có thói quen xử sự hợp pháp không những đòi hỏi con người phải thu nạp lượng kiến thức pháp lí cần thiết mà còn trải qua quá trình chuyển hoá chủ quan về mặt tâm lý.

1.2.2. Chủ thể giáo dục pháp luật

Như đã nói ở phần trên, giáo dục pháp luật thực chất là quan hệ xã hội, giữa một bên là người giáo dục pháp luật (chủ thể giáo dục pháp luật) và một bên là người được giáo dục pháp luật (đối tượng giáo dục pháp luật). Mỗi quan hệ này có sự tác động qua lại lẫn nhau, giữa các bên tham gia. Việc xác định chủ thể giáo dục pháp luật và đối tượng giáo dục pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong lý luận và

thực tiễn của hoạt động giáo dục pháp luật. Từ đó cho thấy là bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào trong xã hội có năng lực, điều kiện phổ biến và giáo dục pháp luật cũng có quyền phổ biến, giáo dục pháp luật. Có thể thấy, có 2 loại chủ thể giáo dục pháp luật, đó là: chủ thể có thẩm quyền và chủ thể không có thẩm quyền. Chủ thể có thẩm quyền gồm những tổ chức và cá nhân được nhà nước quy định có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật và họ buộc phải tiến hành các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ thể không có thẩm quyền gồm những tổ chức, cá nhân khác trong xã hội, họ có thể tiến hành hoạt động phổ biến, GDPL. Hoạt động này của họ chỉ có tính chất hỗ trợ thêm cho các chủ thể có thẩm quyền. Theo đó, chủ thể GDLP có thẩm quyền có thể bao gồm: *các cơ sở đào tạo như các trường phổ thông các cấp; Trường Chính trị tỉnh; các trường dạy nghề...; những người làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại địa phương, như: tuyên truyền viên, báo cáo viên pháp luật các cấp; giáo viên giảng dạy pháp luật trong các trường; cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước như UBND các cấp, Tòa án, Viện Kiểm sát, Công an nhân dân, Thi hành án dân sự...; UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên của MTTQ các cấp...* Chủ thể không có thẩm quyền, bao gồm: *các tổ chức, công ty xí nghiệp, học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân và các cá nhân khác.*

1.2.3. Đối tượng giáo dục pháp luật

Đối tượng giáo dục pháp luật là các cá nhân công dân hay các nhóm, cộng đồng công dân tiếp nhận trực tiếp hoặc gián tiếp tác động của các hoạt động giáo dục pháp luật do các chủ thể giáo dục tiến hành nhằm đạt được các mục đích đặt ra. Nói cách khác, đối tượng của giáo dục pháp luật là những người chịu sự tác động của hoạt động giáo dục pháp luật, trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục pháp luật để tiếp thu, lĩnh hội những thông tin, kiến thức pháp luật xuất phát từ nhu cầu hoặc yêu cầu hình thành, tích lũy hay củng cố vốn kiến thức, hiểu biết pháp luật của bản thân nhằm đáp ứng những đòi hỏi nhất định của thực tiễn cuộc sống.

Đối tượng trong giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức chính là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong các cơ quan Đảng, Nhà

nước, MTTQ, các đoàn thể chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, các cơ sở giáo dục.. Trong đó, từng đối tượng có những đặc thù riêng tác động đến giáo dục pháp luật như đối tượng ở thành thị; đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số... Do mỗi nhóm có những đặc trưng riêng nên hoạt động giáo dục pháp luật đối với từng nhóm đối tượng cần có những nội dung, hình thức đảm bảo phù hợp, để đạt được các yêu cầu, mục đích của giáo dục pháp luật.

Bên cạnh đó, cần thấy rằng cán bộ, công chức, viên chức họ vừa là đối tượng giáo dục pháp luật, vừa là chủ thể giáo dục pháp luật. Trong mối quan hệ của giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức thì họ là đối tượng của giáo dục pháp luật. Với vai trò là đối tượng của giáo dục pháp luật họ phải đảm bảo các yêu cầu, mục đích giáo dục pháp luật, song với vai trò là cán bộ, công chức, viên chức trong mối quan hệ với cán bộ, công chức, viên chức dưới quyền và với nhân dân thì họ trở thành chủ thể của giáo dục pháp luật, có tác động rất lớn đến sự hiểu biết, nhận thức, thái độ, tình cảm của nhân dân đối với pháp luật. Do vậy, trong giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức ngoài nội dung còn phải chú ý cung cấp cho họ phương pháp giáo dục pháp luật; ngoài ra, cần chú ý giáo dục cho cán bộ, công chức, viên chức ý thức về người “đầy tớ, công bộc” của nhân dân. Trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, thực hiện CNH, HĐH đất nước dưới sự tác động mạnh mẽ của xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, với những thành tựu phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin. Với bối cảnh đó vừa là điều kiện thuận lợi, vừa là thách thức lớn đối với yêu cầu hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa nền công vụ nước ta; mỗi cán bộ, công chức, viên chức cần phải xây dựng ý thức chí công vô tư, coi pháp luật là cán cân công lý, hiểu biết pháp luật để thực thi nhiệm vụ và chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, hiểu biết và nắm vững pháp luật đồng thời có những đổi mới tương ứng nhằm thích nghi, đủ khả năng giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội theo định hướng XHCN. Ý thức pháp luật của các chủ thể này là cơ sở cho việc thực hiện

pháp luật, áp dụng pháp luật một cách kịp thời, đúng đắn. Hơn bất cứ hình thức giáo dục nào khác, chủ thể giáo dục ở đây phải thấm nhuần phương châm “*nói đi đôi với làm*”, do đó yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực, về sự gương mẫu trong phẩm chất đạo đức, lối sống luôn được đặt lên hàng đầu.

1.2.4. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật

Để hoạt động giáo dục pháp luật được tiến hành thuận lợi, có hiệu quả cần xác định nội dung cơ bản, phù hợp với đối tượng giáo dục, loại hình và cấp độ giáo dục. Theo nguyên lí chung thì nội dung và mục đích của giáo dục có quan hệ hữu cơ với nhau, vì vậy giáo dục pháp luật phải nhằm định hướng cả về tri thức, tình cảm và hành vi cho đối tượng giáo dục. Nhìn chung, nội dung của giáo dục pháp luật tương đối rộng, mang tính đặc thù riêng cho từng chương trình đào tạo. Chẳng hạn, kiến thức lí luận về pháp luật, các quy định pháp luật hiện hành, các thông tin về thực hiện, bảo vệ pháp luật, các số liệu về xã hội học pháp luật, giáo dục mô thức hành vi pháp luật v.v.. Các nội dung cơ bản này lại được thể hiện phù hợp với kết cấu của mỗi chương trình giảng dạy khác nhau, theo yêu cầu cụ thể khác nhau.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân là mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm, cán bộ công chức chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước (chính quyền địa phương) là những người trong phạm vi chức năng của mình tham gia vào các quan hệ pháp luật với tư cách là người lãnh đạo, quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Họ được trao quyền để thực thi công vụ, đồng thời cán bộ, công chức, viên chức có bổn phận phục vụ xã hội, phục vụ nhân dân, chịu những ràng buộc liên quan đến chức trách họ đang đảm nhiệm. Họ có thể không được hưởng một số quyền mà một người công dân bình thường được hưởng (ví dụ như quyền được thành lập doanh nghiệp, quyền được làm đại diện...) và có thể bị truy cứu trách nhiệm không chỉ bởi hành vi vi phạm pháp luật mà còn do những thiếu sót, sai lầm hoặc chậm trễ trong việc thi hành công vụ. Thái độ và hành vi xử sự đúng pháp luật hay không của cán bộ, công chức, viên chức là thí dụ sinh động, là tấm gương

phản chiếu tính pháp chế trong tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị nói chung, bộ máy nhà nước ở địa phương nói riêng.

Cán bộ, công chức, viên chức là những người trực tiếp, có tác động rất mạnh đến hiểu biết, nhận thức, thái độ, tình cảm của nhân dân đối với pháp luật. Với tư cách này, cán bộ, công chức, viên chức phải được trang bị các kiến thức và kỹ năng trong việc áp dụng pháp luật và trước tiên họ phải có ý thức đầy đủ về trách nhiệm chủ thể giáo dục pháp luật của mình trong khi tiến hành các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cụ thể. Vì vậy, cần phải xác định nội dung chương trình giáo dục pháp luật cụ thể cho cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của địa phương.

** Đối với cán bộ, công chức, viên chức nói chung thì nội dung giáo dục pháp luật bao gồm:*

- Những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước, thực thi pháp luật, cơ chế bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân;

- Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân do Hiến pháp và một số đạo luật quy định;

- Các thủ tục, trình tự pháp lí để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp và thực hiện các nghĩa vụ của công dân;

- Hệ thống những khái niệm cơ bản của khoa học pháp lí thường gặp trong thực tiễn;

- Một số văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức như: các bộ luật, các đạo luật quan trọng, có phạm vi điều chỉnh rộng, liên quan trực tiếp đến đời sống xã hội như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Khiếu nại, Luật tố cáo, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật Hôn nhân và gia đình...

- Cập nhật những thông tin pháp luật mới ban hành, đặc biệt là những thông tin pháp luật liên quan trực tiếp và mật thiết đến hoạt động của chính quyền cấp cơ sở.

* *Đối với cán bộ, công chức, viên chức làm chuyên ngành pháp luật, nội dung giáo dục pháp luật bao gồm:*

- Những quan điểm, những học thuyết về nhà nước và pháp luật trong lịch sử và hiện tại;

- Hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế;

- Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

- Cung cấp, giải thích các quy phạm pháp luật cụ thể, về những hậu quả pháp lí do việc chấp hành hay vi phạm các quy phạm pháp luật đó, hướng dẫn hành vi xử sự cụ thể;

- Cập nhật những thông tin pháp luật;

- Những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về pháp luật.

* *Nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chung cho công dân:* gồm các quy định về nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật; hình thức PBGDPL; họp báo, thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; PBGDPL thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

* *Nội dung phổ biến, GDPL cho một số đối tượng đặc thù,* gồm các nội dung quy định về: Phổ biến, giáo dục pháp luật cho người lao động trong các doanh nghiệp; PBGDPL cho người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân; PBGDPL cho nạn nhân bạo lực gia đình; PBGDPL cho người khuyết tật; PBGDPL cho người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; PBGDPL cho người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người bị phạt tù được hưởng án treo.

** Giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, gồm các quy định về: Nội dung giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.*

Hình thức giáo dục pháp luật là cách thức mà nhà nước sử dụng để thực hiện quá trình tác động có mục đích các nội dung, yêu cầu giáo dục pháp luật vào ý thức và tâm lí của các chủ thể nhằm định hướng cho các hoạt động pháp lí đối với từng chủ thể và đối với cả xã hội. Do nội dung giáo dục, đối tượng giáo dục khác nhau nên cần đa dạng hoá các hình thức giáo dục, phương pháp giáo dục mới có hiệu quả. Chẳng hạn, giáo dục pháp luật trong các nhà trường, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến pháp luật, thông qua các lĩnh vực hoạt động pháp lí-xã hội thực tiễn v.v.. Trên thực tế, chúng ta không nên coi trọng hoặc xem nhẹ một hình thức nào đó của hoạt động giáo dục pháp luật.

Tương tự, việc lựa chọn phương pháp giáo dục pháp luật thích hợp có tầm quan trọng đặc biệt. Rõ ràng là không thể áp dụng các phương pháp như nhau cho các loại đối tượng giáo dục, cấp độ giáo dục hoàn toàn khác nhau được. Tuy nhiên, cần nhận thấy là hoạt động giáo dục pháp luật có thể mang tính bắt buộc hoặc không bắt buộc. Vì thế tính chất của các phương pháp giáo dục cũng cần phải được nghiên cứu cho phù hợp các đối tượng mới đem lại hiệu quả.

1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật

Trong Nhà nước pháp quyền, pháp luật là một trong những phương tiện hàng đầu để Nhà nước quản lý xã hội, là công cụ để công dân thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp cũng như nghĩa vụ của mình. Giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên trong hoạt động thực thi pháp luật, là cầu nối để chuyển tải pháp luật vào cuộc sống để cho tất cả các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội và công dân biết và sử dụng một cách có hiệu quả công cụ, phương tiện đó. Đây là một quá trình tác động thường xuyên, liên tục và lâu dài của chủ thể giáo dục lên đối tượng được giáo dục. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, chú trọng đến công tác GDPL, nhiều nghị quyết quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, như: Nghị quyết Đại hội V, VI, VII, VIII, IX, X, XI của Đảng đều xác định vị

trí, vai trò của công tác GDPL và trách nhiệm của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc phổ biến GDPL, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân đã khẳng định: *“Trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, công tác phổ biến giáo dục pháp luật cần được tăng cường thường xuyên liên tục và ở tầm cao hơn, nhằm làm cho cán bộ và nhân dân hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật...”* [1].

Vai trò của GDPL bắt nguồn từ chính vai trò và giá trị xã hội của pháp luật. Nếu như pháp luật là phương tiện hàng đầu để Nhà nước quản lý xã hội và là phương tiện để công dân bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, thì GDPL giúp cho các cơ quan, nhân viên nhà nước và công dân biết sử dụng phương tiện đó trong công việc và đời sống hàng ngày.

Với nhiều hình thức, phương pháp khác nhau, GDPL có vai trò rất to lớn. Bởi lẽ:

- GDPL tác động vào ý thức đối tượng, góp phần hình thành và nâng cao ý thức pháp luật của công dân. Ý thức pháp luật của một cá nhân thể hiện mối quan hệ của con người đối với pháp luật, thể hiện sự đánh giá về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hành vi xử sự của con người cũng như trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội. GDPL là một trong những biện pháp có vai trò quan trọng tác động đến đối tượng GDPL góp phần hình thành và nâng cao ý thức pháp luật của cá nhân nói riêng và của xã hội nói chung.

Trước hết, GDPL tác động đến ý thức của đối tượng hình thành chu trình: Không để ý đến pháp luật - để ý - biết - hiểu - chấp hành - thực hiện. Từ chỗ người được GDPL không có ý thức về sự tồn tại của pháp luật đến việc bắt đầu dành sự quan tâm của mình đối với pháp luật, rồi từ sự quan tâm đến pháp luật là sự tiếp cận, tìm hiểu và hành động, nhờ đó không chỉ nâng cao về hiểu biết pháp luật mà còn định hướng hành vi xử sự đúng yêu cầu và quy định của pháp luật nâng cao ý

thức pháp luật. Giáo sư, tiến sĩ Đào Trí Úc khẳng định: "*Sự hiểu biết pháp luật của nhân dân là yếu tố đầu tiên để hình thành ý thức pháp luật. Pháp luật trải qua nhiều hình thức khác nhau mới đến được với người dân và trở thành sự hiểu biết về pháp luật, ý thức pháp luật*" [20, tr. 30-31].

GDPL có một vai trò hết sức quan trọng là hình thành niềm tin của đối tượng được phổ biến nói riêng, của người dân nói chung đối với pháp luật. Trên thực tế pháp luật được thực thi một cách nghiêm chỉnh không chỉ phụ thuộc vào sự đe dọa, cưỡng chế mà còn phụ thuộc vào sự giáo dục, phụ thuộc vào sự nhận thức về vị trí vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. Bằng việc GDPL, người dân nhận thức được vai trò và sự cần thiết của pháp luật đối với đời sống xã hội, tạo ra niềm tin vào pháp luật như là lẽ phải, là sự công bằng trong cuộc sống và đó là lúc người dân không chỉ quan tâm đến pháp luật mà còn tin tưởng vào pháp luật - một phương tiện để bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội, trong đó bao gồm cả quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, từ đó tạo ra được ý thức, động cơ đúng đắn trong việc thực hiện pháp luật và đấu tranh tích cực với các hành vi vi phạm pháp luật.

- GDPL là khâu đầu tiên trong quá trình triển khai thực hiện pháp luật. Bằng việc ban hành pháp luật và bảo đảm cho chúng được thực hiện trong thực tế, Nhà nước mong muốn sử dụng chúng để điều chỉnh các quan hệ xã hội phục vụ cho lợi ích của Nhà nước và của xã hội. Sự khẳng định vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, gắn liền với quá trình không ngừng nâng cao ý thức và tính tích cực tham gia của mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Chúng ta biết rằng, việc chấp hành pháp luật trong thực tế không phải lúc nào cũng trở thành tự nguyện. Bởi vì, tại bản thân mỗi người luôn có xu hướng làm những gì mà họ thích hơn là những gì mà họ phải làm bởi các quy định của pháp luật, bởi sự đe dọa phải gánh chịu những hậu quả bất lợi. GDPL là mang đến cho người dân biết được những quy định của pháp luật, giúp cho người dân nhận thức được tính công bằng, sự cần thiết phải hành động và xử sự theo đúng quy định của pháp luật vì lợi ích của cộng đồng và lợi ích của bản thân, từ đó có thái độ tôn trọng pháp luật và biết vận dụng pháp luật trong cuộc sống một cách đúng đắn.

Thực hiện pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành hành vi thực tế, hợp pháp của chủ thể. Thực hiện pháp luật bao gồm những cấp độ khác nhau, từ việc tuân thủ đến việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ mà pháp luật quy định (sử dụng pháp luật) và cao nhất là việc áp dụng pháp luật. Dù ở cấp độ nào thì để thực hiện pháp luật đòi hỏi mỗi người phải có một trình độ văn hóa pháp lý nhất định, trước tiên là phải biết pháp luật quy định như thế nào, trong những trường hợp nhất định được xử sự ra sao và hành động như thế nào để vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, đồng thời không xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác. GDPL giữ vai trò cung cấp cho người dân biết quyền và nghĩa vụ của mình, về những việc mà pháp luật quy định được phép làm và những việc mà pháp luật không cho phép làm hoặc nghiêm cấm, về cách thức để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX khẳng định: xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng mở rộng và phát huy dân chủ. Yêu cầu của một nền dân chủ thực sự là phải làm cho người dân có thể tham gia một cách tích cực, chủ động và có ý thức vào quá trình quản lý xã hội bằng pháp luật, thực hành quyền giám sát của mình đối với hoạt động của các cơ quan công quyền và GDPL góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự lớn mạnh của tính tích cực đó, bảo đảm hành trang kiến thức pháp lý cần thiết cho sự tham gia vào các hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật.

Như đã phân tích, pháp luật của Nhà nước không phải khi nào cũng được mọi người trong xã hội biết đến, tìm hiểu, đồng tình ủng hộ và thực hiện nghiêm chỉnh. Tuy bản chất pháp luật của Nhà nước ta là rất tốt đẹp, nó phản ánh ý chí, nguyện vọng, mong muốn của đông đảo quần chúng nhân dân trong xã hội, những quy định pháp luật đó dù tốt đẹp bao nhiêu đi chăng nữa mà không được nhân dân biết đến thì cũng chỉ như những trang giấy.

Pháp luật của Nhà nước có thể được một số người tìm hiểu, quan tâm và nắm bắt xuất phát từ nhu cầu học tập, nghiên cứu hay từ nhu cầu sản xuất kinh doanh của họ, nhưng số lượng đối tượng này không nhiều. Trong điều kiện dân trí còn chưa cao, đời sống kinh tế của đa số nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Hơn ai hết, nhân dân đa phần là những người chịu nhiều thiệt thòi, khó có điều kiện tiếp xúc, tìm hiểu pháp luật và sử dụng những phương tiện công cụ pháp luật để tự bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình, bởi vậy GDPL chính là phương tiện truyền tải những thông tin, những yêu cầu, nội dung và các quy định của pháp luật đến với người dân giúp cho người dân hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời mà không mất quá nhiều thời gian, công sức cho việc tự tìm hiểu, tự học tập. GDPL đó chính là sự hỗ trợ tích cực để nâng cao hiểu biết pháp luật của người dân, giúp họ nhận thức được những giá trị cao đẹp của pháp luật và biết sử dụng hữu hiệu công cụ đó trong cuộc sống. Một trong các yếu tố đóng vai trò quan trọng là phổ biến, GDPL để mọi người hiểu biết về pháp luật. Pháp luật chỉ có thể được mọi người thực hiện nghiêm chỉnh khi họ hiểu, tin tưởng vào những quy định của pháp luật. Pháp luật được xây dựng là để bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân, đảm bảo lợi ích chung cho cả cộng đồng, đảm bảo công bằng và dân chủ xã hội. Chỉ khi nào người dân nhận thức đầy đủ được như vậy thì pháp luật mới được mọi người tự giác thực hiện, pháp luật mới phát huy tác dụng trên thực tế. Do vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung, khu vực đồng bằng Sông Cửu Long (trong đó có Cà Mau) nói riêng, công tác phổ biến, GDPL có vị trí rất quan trọng. Không thể phát triển kinh tế - xã hội, không thể hạn chế, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật, đẩy lùi tội phạm nếu không gắn với việc nâng cao dân trí, nâng cao trình độ hiểu biết kiến thức pháp luật cho nhân dân.

Trong những năm gần đây, các thế lực thù địch có nhiều âm mưu thủ đoạn lợi dụng vấn đề lịch sử, dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo để kích động, lôi kéo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phá hoại các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta... Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XV, nêu rõ: “... *Kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng tôn giáo, dân tộc để chia*

rẽ, gây rối, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [46. Tr. 63]. Do vậy, GDPL với nhiều hình thức sâu rộng, có hiệu quả sẽ giúp cho người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ công dân của mình, hiểu rõ chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta là tốt đẹp, mục đích chính là vì nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong cộng đồng.

Kết Luận Chương 1

Qua việc phân tích khái niệm chung về giáo dục pháp luật và phân tích đặc điểm đặc thù về giáo dục pháp luật cho từng đối tượng cho thấy:

- GDPL là một hoạt động có định hướng, có mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Là một dạng của giáo dục nhưng GDPL có mục đích, đối tượng, chủ thể, nội dung, hình thức phương pháp riêng.

- GDPL nói chung, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân thực chất là công tác vận động quần chúng thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Do đó, để công tác GDPL đạt hiệu quả phải nghiên cứu các đối tượng, tìm ra đặc điểm đặc thù để lựa chọn nội dung, áp dụng hình thức, phương pháp phù hợp.

- GDPL nói chung, GDPL cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau hiện nay là yêu cầu khách quan có ý nghĩa quan trọng và cấp bách xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, từ chủ trương, chính sách của Đảng, từ vai trò của GDPL và từ tình hình thực tiễn hiện nay.

Chương 2

THỰC TIỄN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở TỈNH CÀ MAU HIỆN NAY

2.1. Các điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội có ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau hiện nay

2.1.1. Đặc điểm về địa lý, lịch sử chính trị và dân cư

Cà Mau là tỉnh ven biển cực Nam của Tổ quốc nằm trên bán đảo Cà Mau thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, cách thành phố Hồ Chí Minh gần 350 km, cách Thủ đô Hà Nội 2.085 km, ba mặt giáp biển, phía Bắc giáp các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu; phía Nam và phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp vịnh Thái Lan; có chiều dài bờ biển 254 km (*107 km bờ biển Đông, 147 km bờ biển Tây*) và một ngư trường rộng lớn hơn 100.000 km² thuộc đặc quyền khai thác của Việt Nam. Cà Mau là một bán đảo nối liền với đất liền, có hình dáng một mũi tàu đang rẽ sóng ra khơi; với vị trí địa lý tự nhiên khá đặc biệt: có ba mặt tiếp giáp biển, Mũi Cà Mau là nơi duy nhất trên đất liền có thể ngắm được mặt trời mọc lên từ mặt biển Đông vào buổi sáng và lặn xuống mặt biển Tây vào buổi chiều. Với vị trí như vậy, Cà Mau có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội, môi trường với cả nước Việt Nam. Đây là vùng đất mới bồi tụ, nổi tiếng cả nước, thậm chí cả vùng Đông Nam Á. Được hình thành bởi 2 dòng hải lưu ở biển Đông và vịnh Thái Lan, đón nhận phù sa của sông Cửu Long bồi đắp dần theo năm tháng tạo nên. Vì là vùng đất do phù sa lắng đọng, bồi cao dần, nên độ cao không chênh lệch mấy so với mặt nước biển; phần lớn đất đai là đồng ruộng lầy trũng và có nhiều rừng thiên nhiên ngập nước rộng lớn như rừng tràm U Minh hạ, rừng đước Năm Căn... rừng ngập nước Cà Mau đứng thứ hai thế giới về tầm quan trọng và diện tích; có nhiều loại cây, thảo thực vật quý hiếm, không phải tỉnh nào cũng có. Đặc điểm này là ưu thế của Cà Mau so với cả nước và vùng ĐBSCL, từ đó tạo ra lợi thế về trồng trọt và nuôi trồng thủy sản rất lớn. Lợi thế này cho phép Cà Mau phát triển nông, lâm nghiệp đa dạng kết hợp với nuôi trồng và khai thác thủy hải sản ven bờ, ngoài khơi với quy mô và tốc độ cao hơn các địa phương khác của ĐBSCL. Mà muốn phát triển kinh tế- xã hội thì một trong những yêu cầu đòi hỏi cán bộ, nhân dân phải hiểu

biết pháp luật. Điều này là một trong những thuận lợi, có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau.

Bên cạnh đó hệ thống sông ngòi, kênh rạch của Cà Mau đan xen chằng chịt chiếm khá nhiều diện tích tự nhiên, trong đó có nhiều sông lớn, nước sâu dẫn phù sa bồi đắp và tạo nên mạng lưới giao thông thủy như các sông Tam Giang, Gành Hào, Bảy Háp, Sông Đốc, Cái Tàu, Trèm Trèm... với tổng chiều dài khoảng 7.000 km. Hầu hết các sông lớn, sâu, tiếp giáp với biển nên rất thuận tiện cho giao thông đường thủy, có điều kiện cho tàu vận tải biển và tàu đánh cá có thể vào sâu trong nội địa... song lại gây nhiều khó khăn cho việc giáo dục pháp luật, nhất là cho đội ngũ giáo viên tham gia giáo dục pháp luật.

Ngày 01/01/1997, tỉnh Cà Mau được tái lập trở lại, gồm có 07 huyện, thị gồm: Thị xã Cà Mau, huyện Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời, Cái Nước, Ngọc Hiển, Đầm Dơi; đến ngày 14/04/1999 thị xã Cà Mau được nâng lên thành phố trực thuộc tỉnh; đầu năm 2004 tách huyện Ngọc Hiển thành 2 huyện là Năm Căn và Ngọc Hiển và từ huyện Cái Nước tách thêm huyện Phú Tân. Tỉnh Cà Mau có 01 thành phố và 08 huyện, gồm 101 xã, phường, thị trấn; với diện tích đất tự nhiên là 5.294,87 km², đứng thứ 2 so với các tỉnh vùng ĐBSCL, sau Kiên Giang. Dân số trung bình năm 2015 có 1.218.821 người; cơ cấu dân số thành thị chiếm tỷ trọng 22,57%, nông thôn 77,43%. Dân tộc chủ yếu là người Kinh, dân tộc thiểu số là người Hoa, người Khmer, Tày, Chăm, Nùng, Mường... và một số dân tộc khác. Mật độ dân số chung của Tỉnh là 230 người/km², thấp nhất vùng ĐBSCL. Là vùng đồng bằng ven biển nhưng Cà Mau vẫn là vùng đất rộng người thưa, bình quân ruộng đất trên 1 nhân khẩu, 1 lao động cao nhất vùng ĐBSCL. Tổng số lao động năm 2015 có 596,7 ngàn người; lao động trong độ tuổi theo ngành nghề, chủ yếu vẫn là nông nghiệp và thủy sản. Trình độ học vấn, ngành nghề, trình độ đào tạo, đạt mức trung bình của vùng. Tập quán, kinh nghiệm canh tác và kỹ năng nghề nghiệp của lao động Cà Mau được tích lũy qua nhiều thế hệ thuộc loại khá cao so với các tỉnh khác, nhất là kỹ năng lao động nghề trồng lúa và đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, hải sản [8]. Với đặc điểm tình hình địa lý và cư dân như trên cho thấy việc giáo dục

pháp luật ở Cà Mau cũng gặp không ít khó khăn do trình độ dân cư chưa cao, đặc biệt là đối với cộng đồng các dân tộc ít người.

Cư dân người Việt sống ở Cà Mau - mảnh đất tận cùng tổ quốc có khá nhiều dân tộc, đông nhất là người kinh, kể đến là người Khomer, người Hoa... Người Khomer chủ yếu ở tập trung xung quanh những ngôi chùa tạo thành các sóc người khomer (xóm) riêng biệt. Tâm lý chung của người Khomer là thích sống đơn giản, không muốn tranh giành, nghe và tin những gì thấy trước mắt, ghét ba hoa, trù tuợng. Họ rất cần cù, mộc mạc, giỏi chịu đựng gian khổ. Khi họ thấy mến và tin cậy người nào thì người đó nói gì họ cũng nghe. Họ có tin thần tự túc và tương trợ rất cao, những việc cất nhà, cưới hỏi, tang chế thường được giúp đỡ của hàng xóm. Người Khomer sống hòa nhập vào cộng đồng dân cư người Việt trên các vùng đất Cà Mau. Theo số liệu Tổng điều tra tình hình cơ bản của hộ thời điểm 01/11/2012 tỉnh Cà Mau có 11.994 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 4,13% tổng số hộ của tỉnh: dân tộc Khomer có 7.801 hộ với 33.439 nhân khẩu, sống trải đều trên tất cả các huyện và thành phố Cà Mau theo từng khu vực cư dân xen lẫn cùng đồng bào người Kinh và hầu hết họ tôn thờ đạo phật theo phái Nam Tông đang sinh hoạt tín ngưỡng trong 7 ngôi chùa ở huyện Thới Bình, Trần Văn Thời và Thành Phố Cà Mau [8]. Người Khomer không coi trọng cuộc sống trần thế mà hướng đời sống tâm linh vào một thế giới khác nên phong tục, tập quán, nhất là văn hóa, lễ hội, cả tết cổ truyền đều gắn liền với chùa chiền theo sự hướng dẫn của sư sãi các chùa... Với đặc điểm địa lý và cư dân như trên cho thấy việc giáo dục pháp luật cho các tầng lớp nhân dân ở tỉnh Cà Mau sẽ gặp nhiều khó khăn bởi cư dân vẫn còn coi trọng các tập tục, các tín điều tôn giáo đôi khi đã lạc hậu không còn phù hợp với xã hội văn minh hiện nay.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XIV (tháng 11/2010) đã ra Nghị quyết về mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011 - 2015. Với mục tiêu của thời kỳ này là: phát triển kinh tế nhanh, bền vững, gắn chặt với chất lượng, hiệu quả, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực,

phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Tăng trưởng kinh tế của tỉnh thời gian qua liên tục giữ mức cao, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 15,82%, dịch vụ tăng 12,43%, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 6,56%. GRDP bình quân đầu người năm 2015 ước đạt 35,26 triệu đồng [8]. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản có bước phát triển nhanh. Năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi từng bước tăng lên, công tác ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất ngày càng được quan tâm chỉ đạo, khuyến khích thực hiện. Nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả, bền vững đã và đang được nhân rộng như nuôi kết hợp nhiều loài thủy hải sản trên cùng một diện tích, nuôi tôm sinh thái dưới tán rừng, nuôi luân canh 1 vụ lúa - 1 vụ tôm; diện tích nuôi tôm công nghiệp năng suất cao ngày càng được mở rộng. Sự phát triển kinh tế- xã hội, sự giao lưu của sản xuất hàng hóa dẫn đến nhu cầu được giáo dục pháp luật bắt nguồn từ chính nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân.

Công tác thông tin, truyền thông có nhiều đổi mới, thời lượng phát thanh, truyền hình và lượng phát hành các báo tăng; kịp thời thông tin, tuyên truyền phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; cổ vũ phong trào thi đua lao động sản xuất, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển; tuyên truyền, vận động nhân dân phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, các tệ nạn xã hội. Thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện kể cả vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Thu nhập của người dân tăng cộng với các chính sách an sinh xã hội được duy trì và phát triển liên tục đã góp phần cải thiện đời sống của dân cư. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2005 là 18,77%, năm 2015 còn 3,4%, bình quân mỗi năm giảm 1,8%; công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi; ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân nói chung được nâng lên, nhất là ý thức chấp hành pháp luật về giao thông của người tham gia giao thông, vi phạm pháp luật và tai nạn giao thông từng bước được kiềm chế; Quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện nghiêm túc, quyền làm chủ của nhân

dân được tôn trọng, phát huy. Sự phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể có nhiều tiến bộ. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm được chỉ đạo tích cực, đạt kết quả bước đầu.

Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhìn chung chưa vững; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu, nhu cầu chi đảm bảo an sinh xã hội, đầu tư phát triển còn cao; cơ cấu kinh tế của tỉnh khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản còn chiếm tỷ trọng lớn; sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế tỉnh Cà Mau chưa cao; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp nhưng tăng trưởng chậm và xu hướng giảm dần; Vốn FDI thấp, tính đến đầu năm 2015 toàn tỉnh chỉ có 11 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký 15,625 triệu USD, vốn thực hiện 5,975 triệu USD; Nông, lâm nghiệp và thủy sản là thế mạnh của tỉnh nhưng vẫn phát triển chậm và không đều, không vững; Chất lượng giáo dục, chất lượng cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên chưa đồng đều. Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu dạy và học; chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh tuy có được nâng lên so với trước, song chưa đáp ứng được yêu cầu; Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp. Cơ cấu lao động vẫn chuyển dịch chậm. Thu nhập và đời sống dân cư tuy có được cải thiện nhưng chưa đều, chưa vững, nhất là vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ hộ nghèo tuy có giảm nhưng chưa bền vững, số hộ cận nghèo, tái nghèo còn nhiều. Với điều kiện kinh tế khó khăn nên người dân Cà Mau quan tâm nhiều đến việc mưu sinh hơn là đến việc học nói chung, học pháp luật nói riêng.

2.1.3. Đặc điểm về văn hóa

Cà Mau là vùng đất tận cùng cực Nam của Tổ quốc Việt Nam. Trong lịch sử chống ngoại xâm của nhiều thế hệ, Cà Mau là mảnh đất anh hùng, kiên cường trong chiến đấu, đã ghi tạc bằng nhiều chiến công hiển hách, là niềm tự hào của cả nước. Đối với những cư dân người Việt đầu tiên đến khai khẩn vùng đất Cà Mau phải đối diện với một môi trường thiên nhiên vừa có nhiều thuận lợi, đất đai màu mỡ, vừa có rất nhiều khó khăn nguy hiểm; họ phải đổ nhiều mồ hôi và cả máu để khai khẩn đất đai, xây dựng và bảo vệ xóm làng. Trong cuộc chiến đấu với thiên nhiên đầy gian

khô, nguy nan, họ đã đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, từ đó lòng hữu ái giai cấp giữa những người lao động đã hình thành, tạo nhân tố bền vững của tình đoàn kết, của cộng đồng các dân tộc ở Cà Mau trong các thời kỳ lịch sử.

Với truyền thống cần cù, chịu khó và sáng tạo trong lao động, với những kinh nghiệm phong phú về trồng lúa nước và dựa vào sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau, những lưu dân đã từng bước khai phá đất hoang, mở ra những cánh đồng lúc ban đầu còn nhỏ bé về sau mới rộng dần. Người Cà Mau mang ý chí quật khởi và tinh thần thượng võ của dân tộc, là những con người phóng khoáng, hào hiệp, trọng nghĩa, khinh tài, chân thành và đầy lòng bác ái. Những phẩm chất tốt đẹp này được kế thừa và phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác trở thành truyền thống. Chính vì vậy mà người Cà Mau từ trước đến nay không những cần cù, kiên nhẫn, sáng tạo trong lao động sản xuất, dũng cảm trong chinh phục thiên nhiên mà còn kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống áp bức, bóc lột và ngoại xâm, tạo nên những trang sử oai hùng của dân tộc nói chung và của nhân dân vùng đất mũi Cà Mau nói riêng.

Tâm lý chung của người Cà Mau là thích sống đơn giản, không muốn tranh giành, nghe và tin những gì thấy trước mắt, ghét ba hoa, trù tượng; ít tìm đến pháp luật khi không có việc cần đến pháp luật. Họ rất cần cù, mộc mạc, giỏi chịu đựng gian khổ, phần lớn thời gian họ dành cho lao động sản xuất, kinh doanh để mưu sinh. Khi họ thấy mến và tin cậy người nào thì người đó nói gì họ cũng nghe và làm theo. Họ có tin thần tự túc và tương trợ rất cao, những việc cất nhà, cưới hỏi, tang chế thường được giúp đỡ của hàng xóm. Đây cũng là những điểm thuận lợi và cũng là những khó khăn đã và đang đặt ra cho hoạt động giáo dục pháp luật của tỉnh Cà Mau hiện nay.

2.2. Những kết quả đạt được trong giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau

2.2.1. Về ban hành văn bản chỉ đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau

Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, Tỉnh ủy

ban hành 2 văn chỉ đạo, định hướng công tác PB,GDPL trên địa bàn tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 01 nghị quyết về đẩy mạnh thực hiện các biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2010. UBND tỉnh ban hành 6 quyết định, 5 kế hoạch về công tác PB,GDPL. Ban chỉ đạo Chương trình 212 tỉnh ban hành 14 kế hoạch, trên 30 công văn chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ PB,GDPL trong tỉnh. Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo tỉnh (Sở Tư pháp) đã chủ động ký kết 21 kế hoạch liên ngành dài hạn, 52 kế hoạch triển khai thực hiện các mặt công tác ngắn hạn. Các cơ quan phụ trách Đề án ban hành hàng chục văn bản thực hiện các mặt công tác.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nói trên, cấp ủy, UBND các huyện, thành phố, UBND cấp xã xây dựng, ban hành 45 quyết định, 01 chỉ thị, 447 kế hoạch, 54 công văn tổ chức, thực hiện.

Thực hiện Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động Thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09-12-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016; Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt các Đề án chi tiết ban hành kèm theo QĐ số 409 của Thủ tướng Chính phủ. Sở Tư pháp – Thường trực HĐPH đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2012-2016; Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 15/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Củng cố kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước”; Quyết định số 1741/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về thành lập BCĐ triển khai thực hiện các Đề án ban hành kèm theo QĐ số 1133/QĐ-TTg của Thủ tướng

Chính phủ (có 14 thành viên); Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 27/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường PBGDPL tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật” trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013 – 2016; Quyết định số 965/QĐ-UBND ngày 4/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án xây dựng và củng cố nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL”; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Đề án “Tăng cường PBGDPL tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật”. Trên cơ sở đó, cơ quan chủ trì các Đề án đã trình UBND tỉnh phê duyệt 10/10 Kế hoạch thực hiện các đề án giai đoạn 2012 - 2016. Hàng năm, Sở Tư pháp - Thường trực Hội đồng phối PBGDPL tỉnh đề xuất UBND tỉnh ban hành các Chương trình, kế hoạch chỉ đạo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong năm; Trưởng các Đề án đã chủ động phối hợp với các ngành, các cấp xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện.

- Sở Tư pháp - Thường trực Hội đồng phối hợp tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh mở hội nghị triển khai Chương trình hành động Thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09-12-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016 đến các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố Cà Mau và UBND cấp xã... có hơn 360 đại biểu dự. Các ngành, các cấp trong tỉnh đã tổ chức triển khai, quán triệt cho đối tượng thuộc quyền quản lý 50 cuộc, có 4.850 lượt người dự.

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Trưởng các Đề án ban hành các quyết định như: Quyết định số 111/QĐ-STP ngày 22/7/2014 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thành lập tổ giúp việc Đề án “Tăng cường PBGDPL tại một số địa bàn trọng điểm về vi phạm pháp luật” trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2016 (có 12 thành viên); Quyết định số 318/QĐ-SNN ngày 04/6/2009 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về thành lập Ban điều hành thực hiện Đề án I (có 11

thành viên); Quyết định số 114/QĐ-STP ngày 04/8/2009 của Giám đốc Sở Tư pháp về thành lập Ban điều hành thực hiện Đề án II (có 15 thành viên); Quyết định số 705/QĐ-SGDĐT ngày 27/4/2009 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về thành lập Ban điều hành thực hiện Đề án III (có 16 thành viên) và Quyết định số 603/QĐ-SLĐTBXH ngày 12/10/2009 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội về thành lập Ban điều hành thực hiện Đề án IV (09 thành viên).

2.2.2. Về những thay đổi ở các đối tượng được giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau

Thời gian qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, công tác PBGDPL cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả đáng trân trọng. Các cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền xem hoạt động PBGDPL là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong các phong trào của đơn vị và hoạt động của cá nhân, tạo nên hành động nhất quán, tăng cường ý thức, trách nhiệm trong việc đấu tranh loại bỏ thói hư, tật xấu, góp phần ổn định chính trị, an toàn xã hội, đưa kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Mọi công dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình, không ngừng phát huy dân chủ cơ sở, tham gia giám sát các hoạt động của tổ Đảng, chính quyền và đoàn thể. Phần lớn người dân đều hiểu và thực hiện tốt các quy định của pháp luật có liên quan đến đời sống hàng ngày như: dân sự, đất đai, hôn nhân gia đình, giao thông, bình đẳng giới, phòng – chống bạo lực gia đình, phòng – chống tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội... Trong đó, một bộ phận không nhỏ người dân biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi của mình và đấu tranh chống mọi hành vi tiêu cực. Tình trạng khiếu kiện đông người, đơn thư vượt cấp, tố cáo nặc danh giảm rõ; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức cũng được quan tâm hơn.

Sở Tư pháp đã tham mưu cho UBND tỉnh chọn và cử 107 lượt cán bộ, công chức của các sở, ngành tỉnh, các huyện, thành phố tham gia tập huấn công tác PBGDPL do Bộ Tư pháp tổ chức; Tổ chức Hội nghị triển khai văn bản pháp luật mới 08 cuộc, có 2.448 lượt người dự, đối tượng là lãnh đạo các sở, ngành, đoàn thể

cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện; phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức được 79 cuộc tập huấn, bồi dưỡng những kiến thức pháp luật, với hơn 5.618 đại biểu tham dự. Trong đó:

-Phối hợp với ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Trường chính trị tỉnh tổ chức được 6 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho hơn 600 đại biểu là báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ tư pháp hộ tịch cấp xã...; phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức được 12 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PB,GDPL cho hơn 700 đại biểu là báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cấp huyện, cấp xã của Đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ; đại biểu tôn giáo, chức sắc; cán bộ công an cấp xã; cán bộ phụ trách Đài truyền thanh cấp huyện, trạm truyền thanh cấp xã,

- Phối hợp với Phòng tư pháp các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức 9 lớp tập kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở. Lớp tập huấn có 1.505 đại biểu tham dự gồm: tuyên truyền viên pháp luật cấp xã, hòa giải viên ở cơ sở.

- Năm 2012, Bộ Tư pháp hỗ trợ 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 240 công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên báo, đài; các cán bộ chức danh tư pháp; pháp chế, dân vận, đoàn thể...hơn 2.573 lượt người dự.

Các huyện và thành phố Cà Mau đã tổ chức 86 cuộc triển khai văn bản pháp luật mới, có 6.021 lượt người dự; Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng PBGDPL và hòa giải cơ sở được 2.157 cuộc, có 41.680 lượt người tham dự. Đồng thời, đẩy mạnh phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: viết tin, bài cộng tác với đài truyền thanh huyện, phát động cộng tác với các báo, đài... có 521 tin, bài các loại nhằm tăng cường lượng thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật. Đã tổ chức biên soạn, in và phát hành 28.000 cuốn thông tin cần biết cung cấp cho báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ và nhân dân.

Ngoài ra, UBND cấp xã đã chủ trì phối hợp với UBMTTQ cùng cấp tổ chức hội nghị triển khai văn bản pháp luật mới và tập huấn quy trình bầu tổ viên tổ hòa giải 508 cuộc, có 15.347 lượt người dự.

2.2.3. Về các chủ thể giáo dục pháp luật ở Cà Mau

Nhìn chung, công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL ở địa phương luôn được quan tâm, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức đào tạo, nhất là việc rèn luyện kỹ năng thực hành và kinh nghiệm thực tiễn trong công tác PBGDPL. Bình quân, mỗi năm đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; thành viên Câu lạc bộ pháp luật và hòa giải cơ sở đều được bồi dưỡng nghiệp vụ ít nhất mỗi năm 01 lần. Những năm qua, tỉnh Cà Mau không ngừng quan tâm chỉ đạo củng cố, kiện toàn, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác PBGDPL ở các cấp, các ngành, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Tính đến năm 2015, Cà Mau hiện có: Cán bộ làm công tác PB,GDPL ở cơ quan Tư pháp các cấp: 129 người (Sở Tư pháp 16; Phòng Tư pháp 12; Tư pháp xã 191); Đội ngũ báo cáo viên pháp luật các Sở, Ngành: Giáo dục: 70 người; Nông nghiệp và phát triển Nông thôn: 55 người; phụ nữ: 133 người; giảng viên luật các trường trung học, cao đẳng, đại học và trường chính trị: 38 người; giáo viên dạy môn giáo dục công dân cấp THCS và THPT: hơn 347 người; Báo cáo viên pháp luật: 349 người; cấp huyện 249;

Đội ngũ Kiểm sát viên, Thẩm phán, Điều tra viên, Chấp hành viên, Công chứng viên, Đấu giá viên, Trợ giúp viên, Luật sư, Luật gia, Thuế, Hải quan, quản lý thị trường, cán bộ pháp chế... các cấp tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật: 4.289 người; Đội ngũ phóng viên, biên tập viên báo đài có hơn 320 người; Cộng tác viên TGPL tỉnh có 155 người; CLB tuyên truyền pháp luật và TGPL cấp tỉnh với 11 thành viên; 28 CLB tuyên truyền pháp luật cấp xã với 270 thành viên; có 935 tổ hòa giải và 6.253 hòa giải viên cơ sở.

Tuyên truyền viên pháp luật 135 người; cấp xã: 1.138 người. Nhóm nòng cốt và thành viên các Hội, các tổ chức đoàn thể quần chúng ở cơ sở tham gia PB,GDPL hơn 8.000 người.

Đội ngũ cán bộ làm công tác PB,GDPL trên địa bàn tỉnh từng bước được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn... được chuẩn hóa về trình độ nghiệp vụ (Luật hoặc chuyên ngành-trừ ở cấp xã). Hàng năm HĐPH công tác PB,GDPL cấp tỉnh, cấp huyện đều có xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng PBGDPL, từng bước nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm chuẩn hóa đội ngũ làm công tác PBGDPL. Đặc biệt Sở Tư pháp đã ký kế hoạch phối hợp Ban Tổ chức tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, Sở Nội vụ và Trường Chính trị tỉnh về tổ chức bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện và ngành giáo dục về đưa môn pháp luật vào bồi dưỡng chính trị hệ hàng năm.

Trong 5 năm (2011 – 2015), tỉnh Cà Mau đã đào tạo, bồi dưỡng cho 56.819 cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước, có 660 người đào tạo sau đại học. Hiện có 1.195 công chức giữ chức vụ lãnh đạo đạt chuẩn theo quy định, đạt 95,44%; cấp xã có 967 công chức có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, đạt 96,02%; có 784 cán bộ có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, đạt 70,82% [51].

Qua 2 năm đào tạo theo Nghị quyết 21/2013/NQ-HĐND tỉnh (2013 – 2014), đã đào tạo được 1.386 người, trong đó: 14 Tiến sĩ; 373 Thạc sĩ; 39 chuyên khoa II; 270 chuyên khoa I; 534 Đại học; 13 cao đẳng và 125 trung cấp [53].

2.2.4. Về nội dung giáo dục pháp luật

Bám sát nội dung quy định phổ biến pháp luật cho từng đối tượng của, những năm qua, tỉnh Cà Mau lựa chọn nội dung pháp luật phổ biến cho các đối tượng bao gồm: các văn bản QPPL mới được triển khai, quán triệt cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, để đội ngũ này thực hiện và tuyên truyền trong nhân dân. Đồng thời, tập trung phổ biến các văn bản pháp luật có liên quan đến chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức; các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các văn bản có liên quan đến cuộc sống, lao động, học tập, sinh hoạt hàng ngày của nhân dân; về hội nhập kinh tế quốc tế; phòng chống tham nhũng, lãng phí; phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; an toàn giao thông, vệ sinh công cộng và trật tự an toàn xã hội...

Sở Tư pháp đã tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai văn bản pháp luật mới 08 cuộc, có 2.448 lượt người dự; phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức được 79 cuộc tập huấn, bồi dưỡng những kiến thức pháp luật, với hơn 5.618 đại biểu tham dự. Trong đó:

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan của tỉnh (như: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Trường chính trị tỉnh) tổ chức được 6 lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, với nội dung bồi dưỡng bao gồm: lược sử vùng đất Nam bộ Việt Nam; tình hình biển đông trong thời gian gần đây; thông báo kết quả Hội nghị lần thứ 11 BCH TW (khóa X); phân giới cắm mốc trên đất liền giữa Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Lào, Việt Nam – Trung Quốc...; phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức được 12 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PB, GDPL cho hơn 700 đại biểu, gồm các nội dung như: Một số quy định chung về phổ biến, giáo dục pháp luật; các quy định chung của luật thi hành án dân sự; các quy định của luật giao thông đường bộ; các quy định của luật phòng, chống bạo lực gia đình; một số nội dung cơ bản của Luật Trợ giúp pháp lý; vấn đề xây dựng, quản lý và khai thác tử sách pháp luật; một số quy định về tín ngưỡng, tôn giáo; về công tác hòa giải cơ sở; một số quy định về quản lý cư trú; thủ tục áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính ở cấp xã; hướng dẫn việc lập thủ tục quản lý, áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới truyền thanh cấp xã; một số nội dung về phòng, chống ma túy...; Phối hợp với Phòng tư pháp các huyện, thành phố Cà Mau tổ chức 9 lớp tập kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, có 1.505 đại biểu tham dự. Nội dung tập huấn bao gồm: Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật; kỹ năng biên soạn tài liệu phổ biến pháp luật; kỹ năng hòa giải cơ sở và xử lý một số tình huống pháp luật.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên báo, đài; các cán bộ chức danh tư pháp; pháp chế, dân vận, đoàn thể... hơn 2.573 lượt người dự.

Ngoài ra, các huyện và thành phố Cà Mau đã tổ chức 86 cuộc triển khai văn bản pháp luật mới, có 6.021 lượt người dự; Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng PBGDPL

và hòa giải cơ sở được 2.157 cuộc, có 41.680 lượt người tham dự. Đồng thời, đẩy mạnh phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: viết tin, bài cộng tác với đài truyền thanh huyện, phát động cộng tác với các báo, đài... có 521 tin, bài các loại nhằm tăng cường lượng thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật; tổ chức biên soạn, in và phát hành 28.000 cuốn thông tin cần biết cung cấp cho báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ và nhân dân. UBND cấp xã đã chủ trì phối hợp với UBMTTQ cùng cấp tổ chức hội nghị triển khai văn bản pháp luật mới và tập huấn quy trình bầu tổ viên tổ hòa giải 508 cuộc, có 15.347 lượt người dự.

Nhìn chung, hoạt động PBGDPL trên địa bàn tỉnh ngày càng đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, phù hợp với từng đối tượng cần được phổ biến, GDPL; nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân được nâng lên, trong hoạt động của mình đều đề cao ý thức tuân thủ pháp luật. Mọi công dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình, không ngừng phát huy dân chủ cơ sở, tham gia giám sát các hoạt động của tổ Đảng, chính quyền và đoàn thể. Phần lớn người dân đều hiểu và thực hiện tốt các quy định của pháp luật có liên quan đến đời sống hàng ngày như: dân sự, đất đai, hôn nhân gia đình, giao thông, bình đẳng giới, phòng – chống bạo lực gia đình, phòng – chống tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội... Trong đó, một bộ phận không nhỏ người dân biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi của mình và đấu tranh chống mọi hành vi tiêu cực. Tình trạng khiếu kiện đông người, đơn thư vượt cấp, tố cáo nặc danh giảm rõ; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức cũng được quan tâm hơn.

2.2.5. Về hình thức giáo dục pháp luật

Thực tế cho thấy giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân được tổ chức khá đa dạng, biểu hiện dưới nhiều hình thức như: Dạy và học pháp luật trong các trường (các trường chuyên ngành và cả các trường khác trong hệ thống giáo dục); tập huấn chuyên đề về nhà nước pháp luật hoặc kết hợp giáo dục pháp luật trong các lớp tập huấn, các hội nghị chuyên đề khác; giáo dục pháp luật qua tuyên truyền và cổ động (tuyên truyền miệng, qua các phương tiện

thông tin đại chúng, nhất là qua báo, tạp chí, qua hoạt động nghệ thuật, qua các cuộc thi...); giáo dục pháp luật qua hoạt động thực tiễn của cán bộ, công chức, viên chức trên lĩnh vực công tác của mình, nhất là các hoạt động trên lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp; giáo dục pháp luật qua hệ thống thông tin pháp luật (Công báo, các bản tin pháp luật, các văn bản pháp luật qua đường công văn nhà nước...). Thông qua các hình thức phổ biến, GDPL như: nói chuyện pháp luật tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội; Tổ chức các hội nghị, hội thảo về pháp luật; Hoạt động tại các câu lạc bộ pháp luật, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trong cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; phổ biến, giáo dục pháp luật qua báo, tạp chí chuyên ngành; thông qua các chuyên mục tìm hiểu pháp luật, giới thiệu văn bản pháp luật mới của các báo, tạp chí khác; Giáo dục pháp luật thông qua các hình thức văn học nghệ thuật (phim, ảnh, sân khấu...).

** Hình thức giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động pháp luật:*

Xuất phát từ nguyên tắc gắn giáo dục pháp luật với thực tiễn công tác và đời sống, có thể và cần thiết tổ chức các hình thức giáo dục pháp luật mang tính đặc thù cho cán bộ, công chức, viên chức. Đây thực chất là hoạt động giáo dục mang tính chất định hướng pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để họ có thể thực hiện hiệu quả các hoạt động ban hành và thực thi pháp luật trong một số lĩnh vực chuyên sâu. Việc tổ chức thực hiện hình thức giáo dục pháp luật này nhằm tăng cường tác động tích cực với quá trình hình thành ý thức pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trên những lĩnh vực này. Xuất phát từ vị trí, vai trò, chức năng của cán bộ, công chức, viên chức - những người có "vai trò kép", vừa là đối tượng cần được giáo dục pháp luật, vừa là chủ thể giáo dục pháp luật trong mối quan hệ với cán bộ, công chức, viên chức khác và với nhân dân. Trong hình thức giáo dục pháp luật này, đóng vai trò chủ đạo là các luật gia đang công tác tại các cơ quan nhà nước, các luật sư đang hành nghề tại các công ty luật, các văn phòng luật sư... Giáo dục pháp luật qua hoạt động hành pháp và tư pháp thường mang tính cá thể hóa rõ rệt cả về đối tượng, nội dung và biện pháp thực hiện vì nó thường gắn liền với việc áp dụng các điều luật cụ thể hay thực hiện một quyền, một nghĩa vụ

pháp lí cụ thể của người được giáo dục, do đó có sự tác động trực tiếp, sâu sắc lên ý thức, tình cảm và hành vi của họ.

** Hình thức quan trọng và cơ bản nhất trong giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức là đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật ở các trường.*

Tỉnh đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, thông qua công tác phối hợp với các trường chuyên và không chuyên luật tại địa phương và đưa đi đào tạo, bồi dưỡng pháp luật trong các trường, các khoa chuyên về nhà nước và pháp luật như: Đại học Luật Hà Nội, Khoa luật Đại học Quốc gia, Khoa Luật của Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Hành chính Quốc gia, Khoa Nhà nước và Pháp luật của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa Nhà nước - Pháp luật của Trường Chính trị tỉnh....

Trong những năm qua, thông qua hình thức giáo dục pháp luật này đã cung cấp cho hệ thống chính trị của tỉnh Cà Mau một số lượng khá lớn cán bộ, công chức, viên chức có trình độ pháp luật vững vàng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước và quản lý xã hội các cấp, nhất là ở cấp cơ sở.

** Phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng:* Đài phát thanh và truyền hình tỉnh thực hiện các chuyên đề PBGDPL như: Chuyên đề pháp luật và đời sống; giới thiệu chính sách pháp luật; trả lời thư khán thính giả; bàn tròn luật sư; tọa đàm; thuế; sở hữu trí tuệ và cuộc sống; cải cách hành chính; an toàn giao thông; an ninh Cà Mau; lao động và việc làm; nông thôn ngày nay; Quốc phòng toàn dân; vì chủ quyền an ninh biên giới và chương trình tiếng khome... Trong 05 năm qua, Đài tỉnh đã thực hiện 3.167 chuyên đề có liên quan đến pháp luật, phát 02 buổi, phát trên 02 sóng theo lịch mỗi ngày và hơn 770 kỳ trên trang địa phương; tiếp nhận và trả lời hơn 20.000 đơn, thư và điện thoại yêu cầu giải đáp pháp luật. Các Đài truyền thanh huyện, trạm truyền thanh cơ sở đã thực hiện tốt việc tiếp sóng Đài tỉnh và thực hiện chương trình tuyên truyền, PBGDPL từ 10 đến 15 phút/ buổi hàng tuần; Báo Cà Mau, Báo ảnh Đất Mũi, ngoài việc giữ vững chuyên mục pháp luật thực hiện 3 kỳ/tuần, còn lồng ghép các chuyên khác, nhằm

kip thời thông tin pháp luật đến cán bộ và nhân dân. Các Bản tin chuyên ngành như: Thông tin công tác tư tưởng, Khoa học Công nghệ, Thuế; sức khỏe, Tư pháp, tuần tin thành phố Cà Mau... duy trì xuất bản theo định kỳ hàng tháng và phát hành đến cơ sở. Riêng Bản tin Tư pháp Cà Mau phát hành 58 kỳ, với số lượng là 145.000 bản. Website UBND tỉnh và các ngành như: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giáo dục và đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa - thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội... không ngừng cải tiến chất lượng phục vụ tốt yêu cầu cập nhật văn bản, truyền tải thông tin pháp luật và công khai thủ tục hành chính đến cán bộ và nhân dân trong tỉnh, nhất là ở cơ sở.

** Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các hình thức khác:* Thực hiện 384 cuộc trợ giúp pháp lý lưu động, giải đáp và phổ biến pháp luật cho 3.408 lượt người; tư vấn pháp luật cho hơn 7.000 trường hợp; hòa giải cơ sở 15.999 vụ tranh chấp; mở 51 phiên tòa xét xử lưu động, có hơn 100.000 lượt người tham gia; tuyên truyền phục vụ cưỡng chế thi hành án 68 lượt và lồng ghép các hình thức khác cho hơn 200.000 lượt người nghe.[52].

2.2.6. Nguyên nhân của các kết quả đạt được

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các Chương trình, đề án về PBGDPL đã được triển khai thực hiện ngay từ giai đoạn đầu và vận hành thông suốt. Trong quá trình tổ chức thực hiện, thường xuyên tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, hướng dẫn; hàng năm tổng kết, đánh giá theo từng Chương trình, Đề án, theo ngành, lĩnh vực và địa phương, làm cơ sở xây dựng kế hoạch năm sau. Thường xuyên củng cố kiện toàn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng PBGDPL trong nhà trường... Đặc biệt, các hoạt động PBGDPL ngày càng đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, từng bước loại bỏ những hạn chế, bất cập, hoàn thiện thể chế, tăng cường phối hợp và vận hành đồng bộ, thông suốt từ tỉnh đến cơ sở, gắn giữa PBGDPL với giáo dục truyền thống, đạo đức và cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, động viên, cổ vũ cán bộ và

nhân dân thi đua học tập và làm theo pháp luật; kế thừa những mặt ưu điểm của các Chương trình, đề án về PBGDPL ở các giai đoạn trước để hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải pháp... Để từ đó, sự nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân và xã hội đã chuyển sang trạng thái hành động. Biểu hiện rõ nhất của trạng thái đó là mỗi tổ chức, cá nhân trong hoạt động của mình đều đề cao ý thức tuân thủ pháp luật. Các cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền xem hoạt động PBGDPL là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong các phong trào của đơn vị và hoạt động của cá nhân, tạo nên hành động nhất quán, tăng cường ý thức, trách nhiệm trong việc đấu tranh loại bỏ thói hư, tật xấu, góp phần ổn định chính trị, an toàn xã hội, đưa kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Mọi công dân thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình, không ngừng phát huy dân chủ cơ sở, tham gia giám sát các hoạt động của tổ Đảng, chính quyền và đoàn thể. Phần lớn người dân đều hiểu và thực hiện tốt các quy định của pháp luật có liên quan đến đời sống hàng ngày như: dân sự, đất đai, hôn nhân gia đình, giao thông, bình đẳng giới, phòng - chống bạo lực gia đình, phòng - chống tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội... Trong đó, một bộ phận không nhỏ người dân biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi của mình và đấu tranh chống mọi hành vi tiêu cực. Tình trạng khiếu kiện đông người, đơn thư vượt cấp, tố cáo nặc danh giảm rõ; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức cũng được quan tâm hơn.

Một số đơn vị, địa phương đã linh hoạt lồng ghép nội dung pháp luật với hoạt động chuyên môn và khởi xướng nhiều hình thức mới, như: Phụ nữ thành lập Câu lạc bộ phụ nữ với pháp luật, địa chỉ thân thiện; Nông dân đưa nội dung pháp luật phù hợp vào sinh tổ chức và đánh giá tình hình chấp hành pháp luật trong nội bộ nông dân; ngành Nông nghiệp và phát triển Nông thôn lồng ghép nội dung pháp luật vào chương trình khuyến nông, khuyến ngư, sinh hoạt đầu bờ và cổ vũ phong trào nông dân tiêu biểu; Tỉnh đội, Biên phòng, ngoài việc tổ chức sinh hoạt ngày pháp luật còn tổ chức sinh hoạt “Pháp luật 24h” vào buổi sáng hàng ngày; thành phố Cà Mau khởi xướng phân bổ tủ sách, ngăn sách pháp luật ở khóm, ấp; Ngành

Giáo dục và đào tạo thành lập tủ sách pháp luật tất cả các điểm trường, thư viện; huyện Trần Văn Thời bố trí tủ sách pháp luật tại các chùa đồng bào dân tộc khmer... đến nay nhiều hình thức PBGDPL được thực hiện như: tuyên truyền miệng, phổ biến, giáo dục pháp luật qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở, thi tìm hiểu pháp luật, thông qua hòa giải cơ sở, sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động, phiên tòa lưu động, phổ biến pháp luật trọng tâm, trọng điểm... tiếp tục được thực hiện một cách sinh động, nhiều nơi rất linh hoạt và sáng tạo. Việc phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng được các cấp, các ngành quan tâm, đã xây dựng được nhiều chuyên trang, chuyên đề, tăng thời lượng, chất lượng phổ biến pháp luật, nhất là chuyên đề pháp luật và đời sống, hộp thư công dân, an toàn giao thông, cải cách hành chính... góp phần phổ biến chính sách pháp luật, giải đáp pháp luật, trả lời thư thỉnh giả đã thu hút được sự quan tâm của công chúng.

Việc ban hành văn bản chỉ đạo kịp thời, bố trí đảm bảo cho các hoạt động PBGDPL theo kế hoạch. Nhất là kinh phí hoạt động của Thường trực HĐPH; kinh phí hoạt động kiểm tra, sơ, tổng kết, khen thưởng; kinh phí tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, hội nghị, hội thảo và tổ chức các cuộc thi; kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật trọng tâm, trọng điểm... và một số hoạt động PBGDPL độc lập khác được bố trí riêng và dự toán ngay đầu năm.

2.3. Hạn chế, tồn tại trong giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau

2.3.1. Về ban hành văn bản chỉ đạo và tổ chức chỉ đạo thực hiện giáo dục pháp luật

Trong 05 năm Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành trên 100 văn chỉ đạo, định hướng công tác PB, GDPL trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành tỉnh đã ban hành 73 kế hoạch liên ngành dài hạn, kế hoạch triển khai thực hiện các mặt công tác ngắn hạn và cấp ủy, UBND các huyện, thành phố, UBND cấp xã cũng đã xây dựng, ban hành 547 quyết định, chỉ thị, kế hoạch, công văn tổ chức, thực hiện cho thấy số lượng văn bản tuy khá nhiều nhưng hầu hết đều mang tính chất định hướng, chưa đi sâu vào phương thức, nội dung, đối tượng của công tác phổ biến, GDPL. Một số cấp

ủy, chính quyền thiếu quan tâm chỉ đạo thường xuyên, chậm ban hành văn bản chỉ đạo; Sự phối hợp giữa các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp trong việc tổ chức PBGDPL từng lúc, từng nơi chưa chặt chẽ; giải pháp thực hiện thiếu đồng bộ, thiếu sự hỗ trợ về tinh thần và nguồn lực, dẫn đến một số hoạt động mang tính hành chính, hiệu quả thấp.

Tuy có thường xuyên đổi mới nội dung hình thức thực hiện, nhưng nhìn chung các nội dung, hình thức và biện pháp vẫn còn dàn trải, đối tượng chông chéo, thiếu những mô hình mẫu, xuyên suốt, chi phối các hoạt động khác. Một số đơn vị, địa phương tỏ ra lúng túng từ khâu xây dựng kế hoạch đến triển khai thực hiện và sơ, tổng kết, dẫn đến một số hoạt động tốn kém, hiệu quả thấp. Hoạt động PBGDPL lồng ghép tuy được xác định là hiệu quả, nhưng không nhiều; xu hướng tách biệt hoạt động độc lập để tranh thủ kinh phí còn phổ biến.

Công tác chỉ đạo, triển khai ở một số nơi chậm, chưa sâu; chậm sơ kết, rút kinh nghiệm, nhân rộng. Tài liệu PBGDPL chưa được trang bị đầy đủ; một số loại hình thức đơn sơ, khó bảo quản. Phương pháp, hình thức PBGDPL ở một số đơn vị, địa phương còn khô cứng (chủ yếu là tổ chức hội nghị, họp triển khai); chưa có những hình thức mới, cách làm hay thật sự thu hút người nghe; sự sáng tạo trong phổ biến giáo dục pháp luật chưa nhiều, đầu tư về thời gian và công sức cho một cuộc phổ biến, giáo dục pháp luật đúng mức, một số hoạt động mang tính chiếu lệ.

Do các Chương trình, các Đề án phổ biến, giáo dục pháp luật hiện tại chưa xác định mô hình chuẩn; một mục tiêu, nhiệm vụ mới còn mang tính lý luận, chưa được thử nghiệm trong thực tiễn (Việc chia nhỏ đối tượng sẽ gây khó khăn cho quá trình tổ chức); mục tiêu của chương trình chưa thống nhất với nội dung các đề án; một số giải pháp thiếu khả thi, chưa có chế tài trách nhiệm trong cơ chế phối hợp, dẫn đến đùn đẩy cho nhau, gây quá tải, hiệu quả thấp; Nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL chỉ đảm bảo ở mức thấp; một số ngành, địa phương khó khăn về kinh phí và đào tạo cán bộ; Do đặc thù của tỉnh là địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sống phân tán, trình độ dân trí ở một số vùng nông thôn còn thấp... gây khó khăn không nhỏ cho việc thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân

dân; Khối lượng các văn bản pháp luật ban hành hàng năm khá nhiều, nhưng năng lực và số lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có hạn nên chuyển tải không kịp đến người dân.

Một số nơi của cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm đến công tác PBGDPL; hoạt động của Hội đồng phối hợp một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đảm bảo là trung tâm điều phối các hoạt động PBGDPL trên địa bàn, còn khoảng trống cho cơ quan Tư pháp, dẫn đến một số hoạt động không đúng kế hoạch, hiệu quả không cao.

Một số cơ quan khi được phân công chủ trì phụ trách các chương trình, đề án, nhất là ở cấp huyện chưa chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch chi tiết để thực hiện; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật còn hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; không ít ngành, địa phương chưa nghiên cứu sâu nội dung Chương trình, đề án; quá trình thực hiện thiếu linh hoạt; thành viên HĐPH, đội ngũ tham gia công tác PBGDPL từng lúc, từng nơi chưa thể hiện hết tinh thần, trách nhiệm, không thường xuyên rà soát, đối chiếu nhiệm vụ để chỉ đạo thực hiện.

2.3.2. Về các đối tượng được giáo dục pháp luật

Trình độ dân trí còn thấp, một bộ phận cán bộ, nhân dân còn ảnh hưởng thói quen khi có yêu cầu thì tìm đến pháp luật, ít dành thời gian tìm hiểu, học tập pháp luật dẫn đến thiếu hiểu biết, chấp hành pháp luật có lúc, có nơi chưa nghiêm.

Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tuy đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa song tỷ lệ có bằng tại chức vẫn chiếm số đông, mặt bằng chung vẫn có những chênh lệch đáng kể về sự nhận thức, hiểu biết và vận dụng pháp luật. Kết quả về nhận thức, thái độ và hành vi của các chủ thể tuy có được nâng lên song còn không ít bất cập. Hiện tượng vi phạm pháp luật trong cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn xảy ra trong đó có một số vụ việc gây bức xúc trong xã hội. Sự chuẩn bị về kiến thức pháp luật cho quá trình hội nhập quốc tế của mỗi cán bộ, công chức, viên chức chưa được quan tâm, ý thức tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật chưa thật cao.

Bản thân một số cán bộ, công chức, viên chức chưa tự giác nghiên cứu học tập, tìm hiểu trang bị kiến thức pháp luật cần thiết để phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chưa coi kiến thức pháp luật là một bộ phận hợp thành kiến thức, trình độ, năng lực của họ. Thậm chí một số cán bộ, công chức, viên chức coi việc nghiên cứu, học tập pháp luật chỉ để chuẩn hóa chức danh đang đảm nhiệm, tấm bằng là chủ yếu, kiến thức là thứ yếu, điều đó làm ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng giáo dục pháp luật. Đối với người dân họ vẫn còn tư tưởng chỉ tìm đến phát luật khi có mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra; ít quan tâm đến việc nghiên cứu, tìm hiểu trang bị kiến thức pháp luật cho bản thân.

2.3.3. Về các chủ thể giáo dục pháp luật

Nguồn nhân lực hiện có của công tác PBGDPL, nhất là ở cấp huyện, xã còn nhiều bất cập, chưa ngang tầm nhiệm vụ và đáp ứng được đòi hỏi mới của xã hội. Lực lượng làm công tác PBGDPL tuy đông về số lượng nhưng lại phân tán, số người chuyên trách không nhiều, mà chủ yếu là kiêm nhiệm; tính chuyên nghiệp trong PBGDPL của cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác PBGDPL chưa cao. Năng lực hoạt động của HĐPH các cấp không đều, một số thành viên thiếu nhiệt tình, thiếu kinh nghiệm, nhất là việc xác định nhiệm vụ và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chưa thật sự sát với yêu cầu, nhiệm vụ; từng lúc thiếu kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn. Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL các cấp chưa thực sự tạo được bước đột phá, tạo cơ chế hữu hiệu để các cấp, các ngành có chương trình hoạt động cụ thể, biến nhận thức về tầm quan trọng của công tác này thành hoạt động thiết thực nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác PBGDPL. Hoạt động của HĐPH chưa nhạy bén, chưa theo sát được yêu cầu, đòi hỏi của công tác PBGDPL trong từng thời kỳ. Trong hoạt động còn thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa các Ban và giữa các thành viên Hội đồng. Hội đồng của một số huyện hoạt động còn mang tính hình thức, chưa thực sự phát huy được vai trò phối hợp để thực hiện công tác PBGDPL. Trách nhiệm của từng thành viên chưa được phát huy một cách đồng đều, một số thành viên còn thiếu tính tích cực, chủ động trong triển khai các hoạt động PBGDPL.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PBGDPL còn tản mạn, chưa đồng bộ; việc xác định và phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cụ thể.

Công tác tham mưu cho cơ quan tư pháp và cơ quan chuyên môn của cấp ủy, chính quyền nhiều khi chưa chủ động, chưa thường xuyên, kịp thời. Việc kiện toàn tổ chức làm công tác PBGDPL và cơ chế phối hợp để giáo dục pháp luật chậm được đổi mới.

Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL các cấp hoạt động theo cơ chế phối hợp, các thành viên làm việc kiêm nhiệm nên không thể dành nhiều thời gian đầu tư cho công tác PBGDPL. Phần lớn thành viên tham gia Hội đồng phối hợp các cấp giữ vị trí lãnh đạo ở các cơ quan, đơn vị, địa phương phải đảm trách nhiều công việc nên sự chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn và phối hợp chưa thật đều.

Đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL của tỉnh tuy số lượng đông nhưng trình độ không đồng đều. Chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL còn thấp, nhất là cán bộ ở cơ sở. Thiếu một cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch lâu dài nguồn nhân lực cho công tác PBGDPL. Một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quan tâm tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ PBGDPL cho đội ngũ này.

Hệ thống pháp luật nước ta chưa đồng bộ, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống, chất lượng các văn bản luật chưa cao, số lượng các văn bản pháp luật của nhà nước ban hành ngày càng nhiều, lại thường xuyên sửa đổi, bổ sung... do vậy đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai công tác PBGDPL.

Một số người lợi dụng kẽ hở của luật pháp để trục lợi cá nhân. Bên cạnh đó, việc xử lý một số vụ việc vi phạm pháp luật, đặc biệt là một số vụ việc liên quan đến cán bộ, đảng viên không nghiêm minh, thiếu chính xác đã ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin của nhân dân đối với pháp luật.

Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc dành cho công tác PBGDPL chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa hoặc những địa bàn khó khăn. Chế độ, chính sách cho báo cáo viên, tuyên truyền viên còn thiếu, chưa thực sự khuyến

khích và phát huy được tiềm năng của đội ngũ làm công tác PBGDPL. Do chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng và đủ mạnh nên địa phương nào quan tâm đến công tác PBGDPL thì dự trù hoặc cấp kinh phí phù hợp cho công tác này và ngược lại.

2.3.4. Về nội dung giáo dục pháp luật

Nội dung giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân tuy được các chủ thể giáo dục không ngừng cải tiến cho phù hợp với tính chất đặc thù của từng địa phương, từng lĩnh vực nhưng nhìn chung vẫn chưa bám sát nội dung chương trình giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân theo tinh thần Quyết định 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật... và quyết định 409/QĐ-TTg ngày 09/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận 04-KL/TW ngày 19/04/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI).

Nhìn chung kiến thức pháp lý trong các chương trình giáo dục vẫn mang tính chất đại trà, chưa có sự khảo sát, điều tra nắm bắt nhu cầu, lợi ích của từng đối tượng, nhất là cán bộ, công chức cấp xã, chưa đảm bảo tính thiết thực trong việc học tập, nghiên cứu vận dụng pháp luật vào thực tế.

Ở một số địa phương, đơn vị do chưa nhận thức rõ phổ biến, giáo dục pháp luật chuyên ngành là một trong những nội dung quan trọng của nhiệm vụ quản lý nhà nước nên chưa xây dựng chương trình, kế hoạch, với những nội dung giáo dục pháp luật cho từng đối tượng cụ thể; chưa chủ động bố trí nhân lực, kinh phí phù hợp cho công tác PBGDPL chuyên ngành tới các cán bộ, công chức, viên chức của địa phương, đơn vị mình.

2.3.5. Về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật

Hoạt động PBGDPL trong thời gian qua ở một số nơi vẫn còn mang tính thời sự, phong trào, chưa đi sâu phân tích, giải thích một cách cụ thể những nội dung chủ yếu người dân cần tìm hiểu, chưa xuất phát từ nhu cầu bức xúc của người dân, chưa mang tính giải đáp pháp luật từ những vụ việc thực tế.

Mặt khác, việc phổ biến hiện nay thường tập trung vào các bộ luật, luật, pháp lệnh, chưa chú trọng phổ biến các văn bản dưới luật. Đồng thời, một số địa phương chưa thực sự quan tâm phổ biến văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành.

Hình thức PBGDPL tuy có nhiều đổi mới song vẫn chưa theo kịp tình hình thực tiễn, nhất là cấp cơ sở. Một số nơi còn nặng về hình thức, chưa chú trọng tới hiệu quả. Một số địa phương còn thiếu linh hoạt trong lựa chọn hình thức, biện pháp PBGDPL phù hợp với trình độ của người được phổ biến và đặc thù của địa bàn. Các hình thức PBGDPL mới, có hiệu quả chậm được nhân rộng.

Về hình thức giáo dục pháp luật tuy phong phú nhưng chủ yếu vẫn áp dụng hình thức PBGDPL thông qua hội nghị tập huấn, do đó chưa phát huy được hiệu quả tối đa trong hoạt động giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức.

Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền một số nơi chưa thực sự đầy đủ và chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác này, do vậy đã cho rằng đây là nhiệm vụ của riêng cơ quan Tư pháp.

Phương pháp giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau mới tập trung chủ yếu vào giáo dục pháp luật tự nguyện, chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục bắt buộc.

Kết Luận Chương 2

Trong thời gian qua, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau luôn được cấp ủy và chính quyền địa phương hết sức quan tâm và đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hoạt động PBGDPL được tiến hành tương đối thường xuyên ở các cấp, các ngành. Hình thức, biện pháp phổ biến khá phong phú, đa dạng, nội dung PBGDPL đã có sự chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với từng thời điểm, phục vụ tốt những sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương. Việc PBGDPL, nhất là đối với các điểm nổi cộm về vi phạm pháp luật; đối với việc triển khai các dự án lớn trên địa bàn; gắn công tác PBGDPL với kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, tăng cường xử lý vi phạm pháp luật bước đầu được quan tâm triển khai thực hiện, góp phần tạo sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức cũng như trong hành động chấp hành pháp luật

của cán bộ, nhân dân; sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của mình. Phổ biến, giáo dục pháp luật bước đầu có tác dụng làm cho công dân ý thức được trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của mình, hướng dẫn người dân tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Người dân không chỉ từng bước chủ động tìm hiểu pháp luật mà còn tự giác đóng góp các ý kiến nhằm phản ánh tâm tư nguyện vọng của mình trong quá trình thực hiện pháp luật. Với sự hỗ trợ của hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, người dân đã và đang phát huy tính chủ động trong tham gia quản lý nhà nước; đóng góp các ý kiến xây dựng chủ trương, chính sách lớn của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần giữ gìn ổn định trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh Cà Mau đã thực sự góp phần phát huy quyền làm chủ của người dân, đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhờ đó mà tỷ lệ vi phạm pháp luật trên một số lĩnh vực ở nhiều địa phương có chiều hướng giảm. Ở những địa phương làm tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cùng với thực hiện tốt chính sách pháp luật, tình trạng khiếu nại tố cáo đã có những chuyển biến tích cực, giảm dần tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp. Nhiều năm qua, nhìn chung, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đã nắm khá vững pháp luật, cập nhật được các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh công chức; nắm được các thông tin về tình hình thực hiện pháp luật; năng lực vận dụng, thi hành pháp luật được nâng lên rõ rệt, góp phần phát triển kinh tế- xã hội, giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Chương 3

NHU CẦU, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỪ THỰC TIỄN Ở TỈNH CÀ MAU HIỆN NAY

3.1. Nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật từ thực tiễn ở tỉnh Cà Mau hiện nay

3.1.1. *Nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật hiện nay xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới*

Sau gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã có được những thành tựu quan trọng tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kì phát triển mới đầy mạnh CNH, HĐH đất nước. Thực tiễn đổi mới đất nước đã chỉ rõ mối quan hệ biện chứng rằng: phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN đòi hỏi tất yếu phải xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân mà mục đích hướng đến là làm cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh". Nhà nước pháp quyền, nói một cách khái quát là hệ thống các tư tưởng, quan điểm đề cao pháp luật, pháp chế trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và trong đời sống xã hội. Nhà nước pháp quyền là Nhà nước được tổ chức và quản lý theo pháp luật, đề cao các giá trị nhân văn, tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Để có được một Nhà nước pháp quyền và xã hội công dân đòi hỏi đặt ra nhiều yêu cầu, trong đó có yêu cầu nâng cao hơn nữa hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Xây dựng Nhà nước pháp quyền, người dân trong xã hội ấy không thể không hiểu biết luật và ý thức tuân thủ pháp luật. Điều dễ nhận thấy là việc người dân thiếu hiểu biết pháp luật sẽ hạn chế nhiều trong việc đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm, các hành vi tiêu cực, tệ nạn,.. trong đời sống xã hội, cũng như không thể hình thành các quan hệ xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực, phù hợp với bản chất của chế độ XHCN. Đồng thời, thực hiện các quyền

và nghĩa vụ của công dân trong một xã hội công bằng dân chủ văn minh. Bởi vậy, GDPL, nâng cao ý thức pháp luật cho công dân là vấn đề vô cùng quan trọng.

3.1.2. Nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật hiện nay xuất phát từ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề này

Trong quá trình đổi mới, với tầm quan trọng của công tác GDPL, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân. Đặc biệt, trong những năm gần đây, công tác GDPL đã được thực hiện theo các chương trình, kế hoạch cụ thể được Chính phủ phê duyệt. Sau khi có Chỉ thị số 02/1998 về tăng cường phổ biến, GDPL trong giai đoạn hiện nay và Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, GDPL từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL, công tác này đã đạt được những kết quả quan trọng. Từ những kết quả đạt được, ngày 17/01/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình PBGDPL từ năm 2003- 2007. Đây là những văn bản pháp luật có ý nghĩa quan trọng, khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc đẩy mạnh công tác PBGDPL, làm chuyển biến nhận thức, từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, góp phần tăng cường pháp chế XHCN, quản lý xã hội bằng pháp luật trong thời kỳ đổi mới. Để tiếp tục đưa công tác PBGDPL không ngừng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09 tháng 12 năm 2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Theo đó, Chỉ thị đã khẳng định: PBGDPL là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cơ quan Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị, đồng thời công tác PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Để triển khai thực hiện Chỉ thị này, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị

số 32-CT/TW; Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2004 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia PBGDPL và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010. Tiếp đến, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 phê duyệt Chương trình PBGDPL từ năm 2008 đến năm 2012, trong đó có 04 đề án về PBGDPL tạo nguồn lực quan trọng cho công PBGDPL. Thủ tướng Chính phủ còn ban hành Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2010 phê duyệt Đề án tăng cường công tác PBGDPL nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 - 2015; Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09 tháng 4 năm 2012 ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI), trong đó có nhiều đề án về PBGDPL.

Nhằm triển khai Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư, các Chương trình PBGDPL của Chính phủ, các bộ, ngành và UBND các cấp đã chủ động xây dựng kế hoạch PBGDPL dài hạn, hàng năm và kế hoạch triển khai công tác PBGDPL ở từng thời gian cụ thể, từng đợt cao điểm. Nhìn chung, các văn bản được ban hành để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác PBGDPL ngày càng thường xuyên và kịp thời hơn, đã chú trọng bám sát mục tiêu, yêu cầu, mục đích phổ biến, giáo dục pháp luật của các Chương trình, đề án và gắn công tác PBGDPL với nhiệm vụ chính trị cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương, đặc điểm của đối tượng và đặc thù của địa bàn. Đặc biệt từ khi có Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng thì nhiều cấp uỷ đảng đã ban hành Chỉ thị, Thông tri hoặc đưa nội dung PBGDPL vào Nghị quyết của Đảng để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác PBGDPL. Mà hơn hết, để tạo cơ sở pháp lý mạnh, đồng bộ, thống nhất cho công tác PBGDPL, góp phần nâng cao hiệu quả công tác này, ngày 20 tháng 6 năm 2012, Quốc hội đã thông qua Luật PBGDPL (Luật số 14/2012/QH13).

3.1.3. Nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật hiện nay xuất phát từ thực trạng và nhu cầu hiểu biết pháp luật của người dân

Hiến pháp nước ta đã ghi nhận nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo, tình trạng tài sản. Tuy nhiên, ngay cả khi pháp luật đã ghi nhận nguyên tắc về sự bình đẳng ấy thì việc sử dụng hệ thống pháp luật làm công cụ để ghi nhận, bảo vệ và mưu cầu hạnh phúc của mỗi chủ thể cũng không giống nhau. Khả năng sử dụng công cụ pháp luật của mỗi chủ thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố như địa vị chính trị, địa vị kinh tế, trình độ học vấn, kinh nghiệm sử dụng hệ thống pháp luật của chủ thể ấy... Hiện nay, trong bộ phận dân cư của Việt Nam vẫn còn nhiều đối tượng bị thiệt thòi so với những đối tượng khác trong việc tiếp cận với hệ thống pháp luật. Đó là nhóm những người lao động thủ công, làm nghề nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, có mức sống thấp, có học vấn thấp, đặc biệt là cộng đồng dân cư ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào tộc thiểu số. Có nhiều nguyên nhân hạn chế tiếp cận pháp luật của đối tượng này, trong đó nguyên nhân kinh tế là nền tảng. Do kinh tế khó khăn, cuộc sống với những lo toan thường nhật về lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình đã thu hút hết sự quan tâm và thời gian của họ. Người dân còn chưa hiểu biết rằng chính pháp luật là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của họ, là phương tiện giúp họ thực hiện các quyền tự do dân chủ của mình, tham gia vào mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống và quan trọng hơn là pháp luật giúp họ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, chương trình quốc gia với mục tiêu là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, tạo điều kiện để các vùng nghèo mà chủ yếu là vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, giúp học thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, hòa nhập vào sự phát triển chung của cả nước. Để hỗ trợ cho các đối tượng trên tiếp cận với pháp luật, Nhà nước đã triển khai một số hoạt động như: Thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số; Xây dựng tủ sách pháp luật ở cấp xã... Mặc dù vậy, trên thực tế

vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa đáp ứng những mong muốn mà Đảng, Nhà nước ta đặt ra.

3.1.4. Nhu cầu nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật hiện nay xuất phát từ yêu cầu hội nhập quốc tế

Trong kháng chiến, nhân dân ta đã có những đóng góp, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Trong xây dựng đất nước, phần lớn đều thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, việc lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc và các chiêu bài về "dân chủ", "nhân quyền", "tự do tôn giáo" trong chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đang gây ra không ít những phức tạp, bất ổn về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi phải xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, khách quan, tạo động lực thúc đẩy xã hội phát triển vì hạnh phúc của mọi người và mỗi người. Tạo điều kiện tốt nhất để mỗi người dân có thể làm tất cả những gì họ có quyền và có thể làm được vì sự phát triển của bản thân, gia đình và xã hội. Do đó, ý thức pháp luật có thể được coi là tiền đề tư tưởng cho việc xây dựng chế độ cộng đồng trách nhiệm giữa Nhân dân và Nhà nước trong việc thúc đẩy xã hội dân chủ, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN đồng bộ với đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có những thuận lợi và đan xen khó khăn, thách thức; kinh tế thế giới được dự báo phục hồi chậm và còn nhiều biến động khó lường; tình hình chính trị - an ninh thế giới, tranh chấp lãnh thổ, biên, đảo... diễn biến gay gắt và phức tạp. Đối với Việt Nam, những thành và kinh nghiệm của 30 năm đổi mới (1986-2016) làm tăng thế và lực, uy tín của đất nước; sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên; nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng hơn với thế giới. Do đó cần phải tích cực, tận tâm và nhất quán triển khai thực hiện tốt tinh thần của Hiến pháp, pháp luật, nhất là các vấn đề về dân chủ, pháp quyền, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật

bảo đảm cụ thể hóa đúng nội dung, tinh thần của Hiến pháp, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, triển khai thật tốt các luật, bộ luật mới, được ban hành. Cần tạo chuyển biến sâu sắc trong ý thức chấp hành pháp luật, trước hết trong cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu tuân thủ, chấp hành pháp luật; tích cực, chủ động tự học tập, tìm hiểu và nắm vững pháp luật để áp dụng đúng đắn trong công việc hằng ngày, đồng thời hướng dẫn, tư vấn, giải thích, thuyết phục và vận động Nhân dân chấp hành pháp luật. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực PBGDPL đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật trong giai đoạn phát triển mới của đất nước và hội nhập quốc tế.

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật từ thực tiễn ở tỉnh Cà Mau hiện nay

3.2.1. Xây dựng chương trình, nội dung giáo dục pháp luật cho phù hợp với mỗi loại đối tượng

Việc xây dựng chương trình, nội dung và đa dạng hình thức giáo dục pháp luật trước hết thuộc về Nhà nước. Từ nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, chương trình quốc gia với mục tiêu là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là đối với người nghèo, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng... tạo điều kiện để các vùng nghèo thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, hòa nhập vào sự phát triển chung của cả nước. Để hỗ trợ cho các đối tượng trên được tiếp cận với pháp luật, Nhà nước cũng đã triển khai một số hoạt động như: Thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo, người có công, đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn, tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc...

Tuy nhiên, bên cạnh các chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo tạo việc làm, phát triển kinh tế, Nhà nước cần có một chương trình tương ứng với sự định hướng, đầu tư thỏa đáng, hợp lý nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện cho người nghèo, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, đồng bào các dân tộc ít người,

vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được bình đẳng tiếp cận với pháp luật như các đối tượng khác trong xã hội. Bởi mục tiêu của công cuộc xóa đói giảm nghèo cần được hiểu và thực hiện không chỉ là phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập cho nhân dân mà còn là nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ kinh tế, xã hội mới giảm nghèo toàn diện chứ không chỉ riêng kinh tế như tinh thần Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII đã nêu: "*Không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội mà ngay trong từng bước và suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội*" [13, tr. 31].

Bởi vậy, việc xây dựng chương trình giáo dục pháp luật với nội dung cụ thể, thiết thực và đa dạng hóa hình thức giáo dục pháp luật trong nhân dân, cho từng đối tượng cụ thể là rất quan trọng. Cần xác định được những nội dung pháp luật cần thiết, bắt buộc, những nội dung pháp luật liên quan cần phổ biến, giáo dục.

3.2.2. Kết hợp giáo dục pháp luật với nâng cao dân trí phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta luôn chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao dân trí cho nhân dân. Thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế, nâng cao dân trí trong nhân dân ở tỉnh Cà Mau đã đạt được nhiều thành tựu đáng trân trọng; tuy nhiên, vẫn còn có những hạn chế: tình trạng nhiều con em nhiều gia đình phải bỏ học do kinh tế gia đình khó khăn không có tiền theo học.... Bởi vậy, tăng cường giáo dục pháp luật cho nhân dân ở Cà Mau phải được kết hợp với việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Nhìn chung, so với nhân dân các tỉnh khác thì người dân Cà Mau đa phần có trình độ văn hóa thấp. Bởi vậy, phải đầu tư cho giáo dục, đầu tư xây dựng bảo vệ cơ sở vật chất trường lớp. Động viên, giúp đỡ giáo viên, học sinh nâng cao chất lượng dạy và học. Đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài giúp đỡ con em nghèo học giỏi có điều kiện tiếp tục học. Quan tâm giải quyết bố trí việc làm cho sinh viên

người dân tộc, con em gia đình chính sách... tốt nghiệp ra trường. Cùng cố đội ngũ quản lý và giáo viên ở các trường trong tỉnh tạo sự đoàn kết trong nhà trường, quan tâm giáo dục chính trị tư tưởng cho học sinh, giải quyết tốt các chế độ, chính sách cho giáo viên và học sinh.

Bên cạnh việc nâng cao trình độ dân trí, việc tuyên truyền nhận thức cho người dân và cán bộ đảng viên về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, vận động họ thực hiện tốt những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là công việc rất quan trọng và cần thiết. Thực hiện giải pháp trên, theo tác giả luận văn, cần phải giao trách nhiệm cụ thể cho từng cấp, từng ngành của hệ thống chính trị trong tỉnh về vấn đề này, có cơ chế phối hợp cụ thể giữa các ban ngành, các tổ chức chính trị- xã hội trong việc chỉ đạo nội dung và tổ chức thực hiện việc PBGDPL nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Cần nghiên cứu, vận dụng và tạo điều kiện để động viên khuyến khích người dân tỉnh Cà Mau phát huy nội lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng đa dạng hóa ngành nghề sản xuất, kinh doanh phù hợp với từng vùng theo quy hoạch. Đẩy mạnh phong trào ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản hàng hóa. Làm tốt công tác xóa đói giảm nghèo bằng những biện pháp thiết thực cụ thể.

Đi đôi với việc trồng cây lương thực và chăn nuôi gia súc, gia cầm cần khuyến khích nhân dân trồng những cây công nghiệp và cây ăn trái có giá trị kinh tế cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân vay vốn để phát triển sản xuất, đồng thời giúp nhân dân về mặt kỹ thuật, chăn nuôi. Khuyến khích phát triển những cơ sở công nghiệp chế biến, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ du lịch để phát huy tiềm năng lợi thế của tỉnh. Cùng cố và phát huy những làng nghề truyền thống, như dệt chiếu ở Thới Bình; nuôi cá trê, cá bóng tượng ở Thành phố Cà Mau... Quan tâm đến việc cải tiến kỹ thuật, nguyên liệu và giúp đỡ hướng dẫn thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Nghiên cứu củng cố và từng bước phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất. Đặc biệt đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt có hiệu

quả. Tiềm năng đất đai của tỉnh còn khá lớn nhưng do biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến thất thường, bị thiếu nước nên sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, nhất là hiện tượng Enino vừa qua. Chú trọng phát triển mạnh phong trào "Nhà nước và Nhân dân cùng làm" để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh. Cần điều chỉnh hợp lý vấn đề đất canh tác, nuôi trồng thủy sản cho người dân, nhất là vùng đất bãi bồi, huyện Ngọc Hiển, đất Đầm thị trường ở Cái Nước và Trần Văn Thời cần phải được giải quyết thỏa đáng.

Cần đặc biệt quan tâm định hướng đào tạo đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật là con em địa phương để tạo nguồn nhân lực có tay nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, địa phương. Đây là giải pháp có tính nền tảng làm cho mọi người dân ngày càng thêm tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời có ý nghĩa trong công tác vận động Nhân dân đấu tranh chống lại sự xuyên tạc, kích động của các phần tử xấu, các thế lực thù địch nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước ta. Mặt khác, vận động nhân dân tự lực vươn lên trong cuộc sống xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm" là rất cần thiết để phát huy có hiệu quả các tiềm lực trong nhân dân.

3.2.3. Xây dựng, kiện toàn, phát triển lực lượng làm công tác giáo dục pháp luật

Trong tất cả các hoạt động, yếu tố con người bao giờ cũng đóng vai trò quan trọng. Vấn đề này càng quan trọng hơn đối với hoạt động giáo dục pháp luật vì lực lượng làm công tác giáo dục pháp luật chính là cầu nối đưa pháp luật vào cuộc sống. Ở Cà Mau trong thời gian qua lực lượng làm công tác giáo dục pháp luật đã được quan tâm xây dựng kiện toàn một bước về mặt số lượng cũng như chất lượng, tuy nhiên lực lượng này vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra. Nhất là lực lượng làm công tác giáo dục pháp luật giảng dạy môn pháp luật trong các điểm trường. Vì vậy, chú trọng phát triển lực lượng làm công tác giáo dục pháp

luật, kiện toàn về số lượng và nâng cao chất lượng là phương hướng quan trọng mà tỉnh Cà Mau cần quan tâm.

Chất lượng công tác giáo dục pháp luật phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó việc xác định, xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật thực sự có năng lực và phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình tận tâm với công việc là vô cùng quan trọng. Có thể nói, hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật ra sao, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được chuyển tải đến nhân dân như thế nào phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của tỉnh, đội ngũ làm công tác giáo dục pháp luật của tỉnh đã được kiện toàn một bước về số lượng cũng như chất lượng. Tuy nhiên, để đáp ứng được nhiệm vụ khó khăn, phức tạp trong điều kiện mới thì đội ngũ thực hiện công tác giáo dục pháp luật của tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế, chưa đồng đều. Cán bộ làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật của các ngành ở địa phương nhất là ở cơ sở chủ yếu là kiêm nhiệm. Đội ngũ cộng tác viên trợ giúp pháp lý tuy có phát triển hơn trước nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu, lực lượng tham gia cộng tác viên còn ít, hầu như chỉ dừng lại ở đối tượng là cán bộ tư pháp hộ tịch cấp xã, công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho đội ngũ này còn ít, chưa được thường xuyên. Bởi vậy, để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra thì đòi hỏi tỉnh phải quan tâm đầu tư hơn nữa, cần có kế hoạch lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc, ngoài hiểu biết pháp luật, phải nắm rõ điều kiện sống của người dân tại địa phương. Muốn vậy cần tổ chức định kỳ các đợt tập huấn, các chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật ngắn hạn, chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục pháp luật để giải quyết về trình độ pháp luật và năng lực nghiệp vụ chuyên môn. Do vậy, việc chú trọng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên trợ giúp pháp lý là vấn đề quan trọng. Ngoài việc hiểu biết pháp luật, đội ngũ này

phải là người có cách nhìn, có sự nhiệt tình tâm huyết, có hiểu hoàn cảnh sống của từng gia đình.

Tuy nhiên, để có thể thu hút được đội ngũ này thì tỉnh phải quan tâm có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng với họ, động viên họ và phải tạo điều kiện cho họ tiếp cận những thông tin, kiến thức pháp lý cần thiết như sử dụng tủ sách pháp luật ở cơ sở, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn để nâng cao hiểu biết của họ về pháp luật, như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định: "Động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu có uy tín trong dân tộc ở địa phương".

3.2.4. Xác định nội dung giáo dục pháp luật thiết thực, lựa chọn những hình thức giáo dục pháp luật phù hợp, có hiệu quả

Với đối tượng giáo dục pháp luật đặc thù là cán bộ, nhân dân ở nông thôn, cần lựa chọn những nội dung pháp luật phù hợp, đơn giản, thiết thực liên quan trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày của người dân. Phải gắn với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương để lựa chọn nội dung cho phù hợp. Đặc biệt, nên chú trọng các nội dung về Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Hòa giải ở cơ sở, Quy chế dân chủ ở cơ sở,... Việc PBGDPL phải được làm thường xuyên chứ không thể theo phong trào hoặc khi có văn bản pháp luật mới khi đó mới mới PBGDPL.

Song song với việc lựa chọn nội dung giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng thì việc lựa chọn hình thức nào để giáo dục pháp luật có hiệu quả lại càng quan trọng hơn. Một thành công của công tác giáo dục pháp luật trong thời gian qua ở Cà Mau là đã sử dụng được nhiều hình thức giáo dục pháp luật hấp dẫn, có hiệu quả. Tuy nhiên, với đối tượng giáo dục pháp luật là nhân dân có những đặc điểm đặc thù thì ngoài việc duy trì và tăng cường các hình thức giáo dục có hiệu quả, cần tập trung chú ý các hình thức mang tính đặc thù phù hợp với trình độ dân trí và tâm lý của người dân nông thôn, chẳng hạn như giáo dục pháp luật qua công tác hòa giải ở cơ sở, các buổi sinh hoạt văn hóa ấp, khóm...

Đa dạng hóa các hình thức giáo dục pháp luật, ưu tiên lựa chọn những hình thức giáo dục pháp luật phù hợp, có hiệu quả. Qua thực tiễn triển khai công tác

tuyên truyền giáo dục pháp luật cho thấy mỗi hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật đều có thể mạnh riêng, ưu điểm riêng bổ trợ cho nhau. Tuy nhiên, ở mỗi địa phương với mỗi điều kiện, hoàn cảnh và đối tượng đặc thù cần có hình thức giáo dục pháp luật phù hợp thì giáo dục pháp luật mới đạt hiệu quả. Vì vậy, không thể cùng một lúc thực hiện một cách tràn lan tất cả các hình thức mà cần tập trung chỉ đạo thực hiện các hình thức giáo dục pháp luật có hiệu quả phù hợp với địa phương, đối tượng.

Đối với đối tượng giáo dục pháp luật nhân dân, với những đặc điểm đặc thù về điều kiện địa lý, kinh tế, văn hóa - xã hội thì việc cụ thể hóa các qui định pháp luật cơ bản bằng những tờ rơi kết hợp với tranh vẽ và phổ biến đến tận người dân để khi nhìn vào tranh vẽ các tờ rơi người dân hiểu được nội dung của pháp luật mà chúng ta cần gửi tới là vô cùng hiệu quả. Bên cạnh hình thức đó thì hình thức tuyên truyền miệng cũng là hình thức có hiệu quả cao, ưu điểm cơ bản của hình thức này là huy động được nhiều phương tiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả như phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua mạng lưới đài truyền thanh cơ sở, qua hoạt động tuyên truyền miệng của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên trợ giúp pháp lý là trưởng ấp khóm, tổ trưởng tổ hòa giải, thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở...

Theo tác giả luận văn, các hình thức giáo dục pháp luật được xem là phù hợp có hiệu quả nhất đối với cán bộ và nhân dân hiện nay là giáo dục pháp luật thông qua hệ thống phát thanh truyền hình và hoạt động hòa giải ở cơ sở

** Giáo dục pháp luật thông qua hệ thống phát thanh truyền hình*

Với hình thức giáo dục pháp luật này sẽ dễ dàng tác động đến đông đảo các tầng lớp nhân dân ở địa phương từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa,... phạm vi tác động rộng lớn và trực tiếp đến tận ấp, khóm, khu phố, cụm dân cư... Hình thức giáo dục pháp luật qua mạng lưới truyền thanh vừa mang tính thời sự, phổ biến, giáo dục pháp luật có trọng tâm, trọng điểm vừa bảo đảm tính kế hoạch định hướng lâu dài. Ở tỉnh, Sở Tư pháp phải chủ động biên soạn, biên dịch song ngữ bằng tiếng Việt - Khmer và thâu băng catset giới thiệu những chuyên đề pháp

luật liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày của người dân, cấp phát cho các đài truyền thanh cấp huyện và hệ thống loa truyền thanh ở cấp xã có đồng bào Khmer sinh sống.

Ở cấp huyện, hệ thống truyền thanh nên mở các chuyên mục tìm hiểu pháp luật, giải đáp pháp luật trên đài truyền thanh, hệ thống loa truyền thanh của các xã đặt tại các ấp, khóm phải dành một thời gian đáng kể để phát chương trình pháp luật như: giới thiệu nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật mới, câu chuyện pháp luật, phổ biến các cuộc thi tìm hiểu pháp luật... phục vụ nhu cầu nâng cao kiến thức pháp luật của nhân dân địa phương. Sở Tư pháp nên lựa chọn có tính định hướng những nội dung pháp luật phổ biến trên mạng lưới truyền thanh từ tỉnh đến cơ sở phù hợp với tình hình địa bàn và đặc thù đối tượng người nghe nhằm thu hút đông đảo nhân dân quan tâm theo dõi chương trình. Chương trình phát thanh về pháp luật nên tập trung vào những nội dung chủ yếu:

- Phổ biến có hệ thống, thường xuyên những văn bản pháp luật cơ bản, trọng tâm của trung ương và chính quyền địa phương các cấp có liên quan trực tiếp đến công tác, cuộc sống hàng ngày của cán bộ, nhân dân.

- Giải đáp pháp luật, kiến nghị của nhân dân địa phương liên quan đến những qui định pháp luật, tình hình thực thi và chấp hành pháp luật ở cơ sở.

- Thông tin phản ánh tình hình pháp luật ở địa phương, giới thiệu gương người tốt, việc tốt trong việc chấp hành pháp luật, các hoạt động tư pháp ở địa phương, công tác hộ tịch, trợ giúp pháp lý, xây dựng qui ước ấp, khóm, hòa giải ở cơ sở...

Việc giáo dục pháp luật qua hệ thống loa truyền thanh muốn đạt hiệu quả như mong muốn cần phải xác định thời lượng, bố trí thời gian phát thanh cho phù hợp với tập quán sinh hoạt của người dân địa phương để thu hút đông đảo người nghe, phát huy cao nhất hiệu quả của chương trình.

** Giáo dục pháp luật thông qua công tác hòa giải ở cơ sở*

Việc hòa giải vốn đã có từ lâu trong nhân dân ta, các tổ hòa giải được thành lập để giải quyết những vi phạm và tranh chấp nhỏ trong nhân dân. Để quản lý và

nâng cao hiệu quả của công tác này, về mặt Nhà nước tại Điều 2, Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013, quy định: *Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật này.* [33, tr. 2].

Khi nhân dân sống tập trung thành từng cụm dân cư (ấp, xóm) thì hình thành những tình cảm xóm, làng như tối lửa, tắt đèn có nhau, nhưng đồng thời cũng bắt đầu nảy sinh những mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong cuộc sống đời thường như đường ranh, lối đi, ruộng vườn, nhà cửa... Vì vậy, hoạt động hòa giải ở cơ sở vừa giữ gìn được sự đoàn kết giữa các bên, bảo vệ được tình làng nghĩa xóm và thuần phong mỹ tục, tránh được kiện tụng kéo dài tốn kém.

Công tác hòa giải và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, có thể nói công tác hòa giải là một hình thức phổ biến giáo dục pháp luật thiết thực và có hiệu quả, bởi vì hòa giải không chỉ dựa vào đạo đức xã hội, tình làng nghĩa xóm mà còn phải dựa vào pháp luật và qua hòa giải sẽ thực hiện được việc phổ biến giáo dục pháp luật cho các đương sự và nhân dân.

Trong quản lý nhà nước, hình thức giáo dục pháp luật thông qua công tác hòa giải là rất có hiệu quả bởi tính gần gũi với cuộc sống thường ngày. Từ những mâu thuẫn, xích mích, tranh chấp nhỏ giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ, làng xóm, việc hòa giải được thực hiện trực tiếp với người thật, việc cụ thể. Cán bộ hòa giải dựa vào pháp luật làm chuẩn mực để giải thích, thuyết phục với lời lẽ giản dị, dễ hiểu, thấu tình đạt lý, rồi lựa cách vận động, khuyên bảo các bên thực hiện đúng pháp luật, nhất là các việc trong tranh chấp đất đai, dân sự, các vi phạm pháp luật nhỏ chưa đến mức phải xử lý hành chính hoặc hình sự. Đây là hình thức phổ biến giáo dục pháp luật có vai trò quan trọng và phù hợp với các quan hệ xã hội ở vùng nông thôn hiện nay. Bởi lẽ lực lượng làm công tác hòa giải - phổ biến, giáo dục pháp luật không phải ai khác mà chính là người dân địa phương, người trong dòng họ, thân quen... ngoài sự hiểu biết pháp luật họ còn hiểu biết phong tục tập quán, truyền thống dòng họ, đặc điểm tâm lý, nắm rõ gia cảnh của các đối tượng cần hòa giải và hơn thế nữa họ là những người có uy tín và được kính nể trong cộng

đồng dân cư, như trưởng ấp, khóm. Với hình thức này, chỉ thông qua một vụ việc cụ thể cần hòa giải, các hòa giải viên có thể tiến hành cùng lúc lồng ghép việc phổ biến pháp luật cho nhiều đối tượng trong gia đình, dòng họ, làng, xóm để giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật, kêu gọi tình làng nghĩa xóm và tình cảm gia đình, dòng họ... để "tránh cái xảy nấy cái ung", để "mâu thuẫn to làm cho nhỏ lại, mâu thuẫn nhỏ làm cho mất đi", để giữ gìn sự bình yên trong mỗi gia đình, làng, xã.

Tuy nhiên, để hình thức giáo dục pháp luật thông qua công tác hòa giải đạt hiệu quả thì việc bầu hòa giải viên phải bảo đảm dân chủ, công khai, lựa chọn những người có uy tín cao trong cộng đồng, hiểu biết phong tục tập quán của từng dân tộc, nhất là dân tộc Khmer. Các thành viên tham gia tổ hòa giải phải được phổ biến giáo dục các nội dung của Luật Hòa giải ở cơ sở và Nghị định hướng dẫn thi hành, một số văn bản pháp luật có liên quan đến cuộc sống hàng ngày của người dân, tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

3.2.5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng, của chính quyền các cấp và sự phối kết hợp của các ban ngành, đoàn thể đối với công tác giáo dục pháp luật

Đặc thù của công tác giáo dục pháp luật đòi hỏi phải có sự phối hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đây là điều kiện cơ bản để nâng cao hiệu quả công tác này. Vì vậy, bên cạnh việc khẳng định vai trò chính yếu của Sở Tư pháp Cà Mau và các cơ quan nhà nước khác trong Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh, cần phát huy vai trò của các cấp ủy đảng trong việc lãnh đạo chính quyền các cấp tổ chức thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật với nội dung, hình thức phương pháp phù hợp với địa bàn, đối tượng, dân tộc... Thu hút, huy động các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và cả cộng đồng tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Có như vậy công tác giáo dục pháp luật ở tỉnh Cà Mau mới phát huy được hiệu quả.

Hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ cán bộ công chức, viên chức nhà nước bởi vì, họ vừa là chủ thể chấp hành pháp luật, vừa là chủ thể tổ chức, triển khai đưa pháp luật vào hoạt động thực tiễn của nhân dân.

Trong đó, việc nâng cao trình độ lãnh đạo quản lý, phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ công chức, nhất là cán bộ chính quyền cấp xã là vô cùng quan trọng. Bởi vì: Chính quyền cấp xã là cấp trực tiếp tổ chức triển khai và trực tiếp kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Cấp xã là cấp chính quyền gần dân nhất, trực tiếp thực hiện và bảo đảm trên thực tế việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân, quyền và lợi ích của nhân dân có được tôn trọng và bảo đảm thực hiện hay không trước hết thể hiện ở hoạt động của chính quyền cấp xã.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "*Cấp xã là cấp gần gũi dân nhất, là nền tảng của hành chính. Cấp xã làm được việc thì mọi công việc đều xong xuôi*" [24, tr. 371]. Ở Cà Mau, trong điều kiện đổi mới hiện nay, cán bộ chính quyền cấp xã nói chung, đặc biệt là cán bộ chính quyền cấp xã vùng sâu, vùng xa, còn chưa đồng bộ, trình độ năng lực còn hạn chế, chưa ngang tầm nhiệm vụ. Bởi vậy, xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ chính quyền cấp xã trong đó có việc giáo dục pháp luật cho họ nhằm xây dựng một cấp chính quyền cơ sở có đủ khả năng thực hiện được các nhiệm vụ quản lý nhà nước và các nhiệm vụ tự quản tại cộng đồng cơ sở là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở Cà Mau.

Chính quyền cấp cơ sở trong sạch, vững mạnh không những đảm bảo đưa đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào quần chúng nhân dân mà còn tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

3.2.6. Đầu tư phương tiện, điều kiện cần thiết để thực hiện công tác giáo dục pháp luật. Huy động nguồn lực kinh phí từ nhiều nguồn nhưng trước hết phải là nguồn lực từ cơ quan nhà nước phục vụ công tác giáo dục pháp luật

Công tác giáo dục pháp luật cũng như các công tác giáo dục khác là loại hình hoạt động vì lợi ích lâu dài, kết quả, hiệu quả cuối cùng của nó không thể đo đếm trực tiếp, cụ thể, tức thời sau khi tiến hành hoạt động giáo dục. Bởi vậy, để công tác giáo dục pháp luật đạt hiệu quả thì phải đảm bảo kinh phí cần thiết cho hoạt động này. Trong điều kiện đổi mới hiện nay, nguồn kinh phí cho hoạt động giáo dục pháp luật vẫn chủ yếu từ ngân sách nhà nước do Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết

định. Tuy nhiên, Cà Mau là một tỉnh còn nghèo, việc đầu tư kinh phí cho công tác giáo dục pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu, mục đích đặt ra. Chính vì vậy, việc huy động một phần kinh phí cho hoạt động giáo dục pháp luật từ các ngành kinh tế ở địa phương là hết sức quan trọng. Phải đảm bảo các phương tiện làm việc tối thiểu cho các cơ quan và cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật, phải xây dựng, kiện toàn hệ thống tủ sách pháp luật, có đủ đầu sách pháp luật với giá trị sử dụng thực sự, đảm bảo chế độ thù lao, cung cấp sách báo, tài liệu, đề cương đầy đủ cho cán bộ làm công tác giáo dục pháp luật.

Kết Luận Chương 3

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định: “*Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật*”. Nhiệm vụ đầu tiên là phải ban hành pháp luật, tiếp đến là tổ chức thực hiện pháp luật, trong đó, nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật được xem là cầu nối để đưa các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với các tầng lớp nhân dân. Mục đích của nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật là nhằm xây dựng ý thức pháp luật, làm cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức có lòng tin vào pháp luật, có thói quen, động cơ tích cực trong thực hiện pháp luật. Sinh thời, V.I.Lênin từng chỉ rõ: “*Tuyên truyền là cần thiết và chúng ta không nên sợ phải lặp đi lặp lại... Và nếu chúng ta nghĩ rằng chúng ta đã quá chú ý nhiều đến việc tuyên truyền, thì cần nói rằng chúng ta còn phải làm việc đó nhiều hơn gấp trăm lần nữa*”^[1]. Điều đó có nghĩa là, hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cần phải thực hiện thường xuyên, liên tục, thực hiện càng nhiều nội dung, phong phú về hình thức, không chỉ bằng lời nói mà bằng hình ảnh minh họa, thực hiện càng nhiều càng tốt, khi nào hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật đến với đối tượng và biến thành hành động trong thực tế thì hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật mới thực sự có hiệu quả. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã đặc biệt coi trọng công tác giáo dục pháp luật, ngay từ Đại hội VI Đảng ta đã nhấn mạnh: “*phải coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giải thích pháp luật. Đưa việc giáo dục pháp luật vào hệ thống các trường của Đảng, của Nhà nước (kể cả các trường phổ thông, đại học), của các*

đoàn thể nhân dân. Cán bộ quản lý các cấp từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết pháp luật” [11, tr.121].

Do đó, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp là một trong những nhiệm vụ quan trọng của chính quyền các cấp, có ý nghĩa rất lớn trong việc nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật của các tầng lớp nhân dân, những người làm chủ đất nước, giáo dục họ phải biết sống và làm việc theo pháp luật, kiên quyết đấu tranh chống lại những hành vi phạm pháp luật, góp phần quan trọng vào việc xây dựng một xã hội lành mạnh, có kỷ cương. Việc tổ chức, hoàn thiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của tỉnh Cà Mau hiện nay phải xuất phát từ các yếu tố đặc thù nói trên. Trong mấy năm qua, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng và thực hiện mục tiêu, nội dung, các phương pháp, các hình thức cũng như huy động nhiều phương tiện để đưa đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến tận người dân ở cơ sở và đã đạt được một số kết quả nhất định. Song, do nhiều nguyên nhân (kể cả nguyên nhân khách quan và chủ quan) công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức của Tỉnh đã qua chưa được tiến hành một cách liên tục và đồng bộ; có những địa phương, cơ sở của chưa quan tâm nhiều đến công tác này. Do đó, việc tổ chức, triển khai thực hiện các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức các cấp của tỉnh Cà Mau nêu trên có vai trò hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Công tác giáo dục pháp luật luôn có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay. Đây còn là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; là sự điều phối, tổ chức thực hiện của các cơ quan nhà nước và các tổ chức, đoàn thể; là khâu then chốt, quan trọng để chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước thực sự đi vào cuộc sống xã hội, đi vào ý thức, hành động của từng chủ thể trong xã hội.

Giáo dục pháp luật là một hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục, tác động lên đối tượng giáo dục nhằm hình thành ở họ những tri thức pháp luật, tính cách và hành vi phù hợp với yêu cầu của pháp luật. Giáo dục pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với giáo dục chính trị, giáo dục đạo đức..., vì vậy, việc giáo dục pháp luật sẽ đạt kết quả tốt hơn trong sự phối hợp đồng bộ giữa giáo dục pháp luật với giáo dục các lĩnh vực khác.

Cán bộ, công chức, viên chức các cấp là lực lượng chủ yếu có nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật, đảm bảo việc đưa pháp luật vào cuộc sống ở mỗi địa phương. Nếu cán bộ, công chức, viên chức các cấp, nhất là ở cơ sở hiểu biết pháp luật tốt, có ý thức tôn trọng và bảo vệ pháp luật thì hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội ở từng địa phương sẽ đạt hiệu quả cao. Ngược lại, nếu cán bộ, công chức, viên chức có ý thức pháp luật kém, có hành vi vi phạm pháp luật sẽ có tác động xấu đến xã hội, đến từng người dân. Ý thức pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức các cấp có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền, dân chủ hóa đời sống xã hội, duy trì trật tự, kỷ cương trong quản lý nhà nước và xã hội.

Ngoài ra, hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau là hiệu quả của sự lãnh đạo và chỉ đạo thống nhất của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Cà Mau; các cấp ủy và chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục pháp luật các cấp trong tỉnh; sự phối hợp, áp dụng, sự vận

dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, hợp lý các giải pháp đã nêu trong luận văn của các chủ thể giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Trong công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức các cấp ở địa phương có nhiều hình thức. Mỗi hình thức có những ưu điểm và hạn chế riêng. Hình thức cơ bản nhất, đáp ứng yêu cầu cao nhất cho công tác của cán bộ, công chức, viên chức là đào tạo, bồi dưỡng ở trường để họ được trang bị những kiến thức cơ bản, có hệ thống. Hội nghị, hội thảo, phát thanh truyền hình, báo chí,... cũng là những hình thức giáo dục pháp luật được đông đảo cán bộ, công chức, viên chức quan tâm. Để công tác giáo dục pháp luật cho nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức có kết quả tốt, cần vận dụng hợp lý các hình thức giáo dục và khai thác tối đa lợi thế của từng loại hình./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư TW (khóa IX), *Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.*
2. Ban Bí thư TW (khóa XI), *Kết luận 04-KL/TW, ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư trung ương Đảng (khóa XI) về kết quả thực hiện chỉ thị 32-CT/TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, Hà Nội*
3. Bộ tư pháp, *Đề án 666 của Bộ tư pháp về chỉ đạo điểm các hình thức phổ biến giáo dục pháp luật có hiệu quả trong giai đoạn hiện nay.*
4. Bộ Tư pháp (1998), *Nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2004), *Số chuyên đề về thực hiện Chỉ thị 32/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 04/2004.
6. Chính phủ (1999), *Nghị định 160/1999/NĐ-CP qui định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về tổ chức hòa giải ở cơ sở*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2007), *Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07/12/2007 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.*
8. Cục Thống kê tỉnh Cà Mau (2015), *Cà Mau 40 năm xây dựng và phát triển (1975-2015)*, Cà Mau.
9. C. Mác - Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Hồ Quốc Dũng (1997), *Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật ở nước ta – thực trạng và giải pháp*, Luận văn Thạc sỹ, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Hà Nội.

11. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện đại biểu toàn quốc lần thứ X* - Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại biểu toàn quốc lần thứ XI* - Nxb Chính trị Sự thật, Hà Nội.
18. Trần Ngọc Đường (1999), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
19. Trần Ngọc Đường, Dương Thị Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Cao Thị Hà (2003) *Giáo dục pháp luật cho cán bộ chính quyền cấp xã ở tỉnh Quảng Trị hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
21. Hồ Hữu Hiệp (2000), *Xã hội hóa công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong tình hình mới*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 9/2000.
22. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

25. Khoa Nhà nước và Pháp luật - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, (1999), *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp bộ.

26. Khoa Nhà nước và pháp luật - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Tài liệu học tập và nghiên cứu môn lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, tập I, Hà Nội

27. Nguyễn Đình Lộc (1987), *Ý thức pháp luật chủ nghĩa xã hội và giáo dục pháp luật cho nhân dân lao động*, Luận án phó tiến sĩ Luật.

28. Dương Thị Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (bằng thực tiễn hoạt động của Tòa án và luật sư)*, Luận án phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

29. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

30. Quốc hội (2003), *Luật tổ chức HĐND và UBND*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

31. Quốc hội (2012), *Luật phổ biến, giáo dục pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội.

32. Quốc hội (2013), *Luật Hòa giải ở cơ sở*, Nxb Bộ Tư pháp, Hà nội.

33. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Nxb Bộ Tư pháp, Hà nội.

34. Nguyễn Minh Sản (2009), *Pháp luật về cán bộ, công chức chính quyền cấp xã ở Việt nam hiện nay những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội

35. Nguyễn Quốc Sứ (2010), *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ công chức hành chính trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam*, Luận văn Tiến sĩ Luật kinh tế, Khoa luật – đại học Quốc gia Hà Nội.

36. Đinh Xuân Thảo (1996), *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề ở nước ta hiện nay*, Luận án phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

37. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg ngày 07/01 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội.

38. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 1998 – 2002 và thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.

39. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg ngày 17/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến, GDPL từ năm 2003 – 2007*, Hà Nội.

40. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 28/2006/QĐ-TTg ngày 28/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt các đề án chi tiết thuộc Chương trình hành động quốc gia phổ biến pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010*.

41. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định số 31/2006/QĐ-TTg, ngày 06/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giai đoạn 2006-2010*.

42. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 – 2012*, Hà Nội.

43. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật*.

44. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 04/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI)*, Hà Nội.

45. Tỉnh ủy Cà Mau (2015), *Văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XV*, Cà Mau.

46. Trần Văn Trâm (2002), *Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Bình Định - thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008) *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội

48. Trần Đông Tùng (2001), *Những điều cần biết về hòa giải ở cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

49. Đào Trí Úc (1995), *Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

50. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (2015), *Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2016 của UBND tỉnh Cà Mau về kết quả công tác cải cách hành chính 5 năm (2011 – 2015) của tỉnh Cà Mau*, Cà Mau.

51. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (2015) *Báo cáo số 29/BC-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh sơ kết 3 năm thực hiện Quyết định 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động Thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09-12-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016*, Cà Mau.

52. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (2015), *Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực*, Cà Mau.

53. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1998), *Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở*, Hà Nội.

54. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 33, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

55. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong thời kỳ đổi mới*, Đề tài khoa học cấp bộ, mã số 92-98-223-ĐT.

56. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1995), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

57. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2000), *Chuyên đề về thực trạng hiểu biết pháp luật của cán bộ, nhân dân tại 6 vùng có dự án điểm về phổ biến giáo dục pháp luật*, Hà Nội.

58. Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật - Bộ Tư Pháp (1997), *Một số vấn đề về phổ biến giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội.